

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|---------------------|
| — Một tâm trạng | THẾ THỤY |
| — Kết luận về cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Sử ta so với sử tàu | NGUYỄN VĂN TỔ |
| — Xã hội Việt nam từ thế-kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN dịch |
| — Tàn tạ | ĐINH GIA TRINH |
| — Đọc sách mới : Lý tưởng Kiệt bác phật | T. T. |
| — Trích thuật sách báo | TRỌNG ĐỨC |
| — Những bước đi ngang (Truyện dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Việc quốc tế. — Tại sao Đồng Minh đã chọn xứ Normandie làm nơi đổ bộ | ĐỖ ĐỨC DỤC |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 72 — NGÀY 1er JUILLET 1944

Số 194 - VH

BAO THANH NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 8 Juillet 1944

— Người thân của ta	VŨ VĂN HIỀN
— Quyền khảo thí trong Hiến-pháp Trung-Hoa	PHAN ANH
— Xã-hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ XVII	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Thế - hệ và niên - đại trong thượng - cổ - sử Trung - quốc	ĐẶNG THÁI MAI
— Chương trình khảo - cứu nhân - sinh địa - dư một làng Việt-Nam	NGUYỄN THIỆU LÂU
— Đối thoại giữa ba nghệ - sĩ	ĐINH GIA TRINH
— Việc giồng bông	VŨ ĐÌNH HÒE
— Những bước đi ngang	ĐỖ ĐỨC THU

Hộp thư

Ông Dương quang Huông, Huế — Đã nhận được ngân phiếu 6\$00. Số Tết Giáp Thân không còn.

Ông Nguyễn tam Cư — Đã nhận được ngân phiếu 5\$00. Ông vui lòng gửi thêm 0\$60 (bằng tem cho tiện tiền cước phí).

Hiệu sách Sinh, Minh-Vinh. — Chúng tôi đã gửi báo cho Ông Lê văn Hoan bắt đầu từ số này.

Ông Nguyễn phúc Nghiệp, Đông-dăng. — Hạn báo của ông đến số 80 sẽ hết.

Cùng các bạn mua 14 số T.N. in lại. — Có rất nhiều bạn mua 14 số T. N. in lại chỉ gửi về toà báo có 5\$00 thôi. Xin nhắc đề các bạn rõ là như thế chưa có 0\$60 cước phí.

Về các sách trong Thanh Nghị từng thư. Nhiều bạn có lòng yêu gửi tiền đặt mua trước các sách trong Thanh Nghị từng thư. Chúng tôi xin thành thực cảm tạ tấm thịnh tình ấy. Song vì lẽ việc in sách trong tình thế hiện thời có thể gặp nhiều trở ngại mà thành chậm trễ, nên chúng tôi nghĩ không tiện nhận tiền đặt trước. Mong các bạn lượng thứ và xin các bạn vui lòng chờ trong ít lâu.

Ông Nguyễn quý Bình — Chính Kinh. — Ông gửi cho nguyên văn bản dịch Julien Green của ông.

Sách mới

— Xã hội Việt Nam của Lương đức Thiệp, Hàn Thuyên xuất bản giá 8\$50.

— Khảo cứu về tiếng Việt Nam của Trà Ngân do Cộng Lực xuất bản giá 2\$50

— Gió đầu mùa của Thạch Lam giá 3\$70.

— Chị và Em của Thanh Tịnh giá 2 cuốn này 3\$70 Đời Nay xuất bản.

— Hoa mộng, thơ của Trương Văn do tác giả xuất bản giá 3\$50.

— A l'oeuvre của Mgr. Draprier và Michel Đức, VI Chúa xuất bản.

Xin cảm tạ các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng bạn đọc.

T. N.

Tin buồn

Chúng tôi được tin Cụ nhạc phụ ông bạn Phan Anh, luật sư, nhân viên trong toà soạn bản báo, vừa tạ thế tại làng Dục-Tú ở Bắc Giang. Xin có nhờ chân thành kính viếng Cụ và cảm động chia buồn với ông bà Phan Anh.

Thanh Nghị

MỘT TAM TRANG

THE THUY

Gặp một bạn thanh-niên học-sinh, thấy anh ta mài miệt với sách vở để cuối năm đi thi. Hỏi anh có mong mỗi sau này làm gì hữu-ích cho nước nhà không, anh ngơ ngác trước cái tư tưởng « già » của người hỏi. Tuổi còn thanh-xuân, làm chi mà nói tới những đại-sự và những danh-từ to tát thế. Rồi anh thi đỗ... Rồi chưa kịp hưởng hương-vị của cái học của mình, anh vội tìm một công việc để kiếm ăn. Anh bù đầu đọc những pho sách to nhỏ, học cho thuộc căn kẽ chương trình của một kỳ thi vào làm công sở. Học những cái có ích lợi nhõn tiền, bó-thúc tâm hồn vào những kiến-thức có biên giới mà anh chẳng yêu cũng chẳng ghét. Học vẫn chỉ là một phương tiện đối với anh.

Có kẻ khuyên anh hoạt động như thế này, khảo cứu như thế này, tự tu tự giác như thế này. Anh xua tay : Đề yên cho ta học thi, những món ấy để dành cho những kẻ có thời giờ rỗi.

Rồi anh đỗ, anh trở nên một người kiếm được tiền và có địa-vị. Cái phần tử chưa giác-ngộ trong dân gian phục anh, tôn trọng anh, coi anh như thần-thánh. Lúc bấy giờ thắng hoặc có trong óc yên lành của anh chút ý tưởng kích thích anh làm việc ích chung, góp sức xây đắp nền móng tư tưởng, học thuật của quốc-gia, thì anh vội đuổi nó đi ngay bằng lối chống chế tiện lợi này : « Mình làm gì có thời giờ », tuy anh vẫn có thời giờ để ngủ cho thân phi nộn, để « giao thiệp rộng », để tìm những dịp vui chơi, để bàn bạc với bạn bè về những vấn đề sống vật chất. Anh có vợ con. Anh bảo : Lúc trai trẻ mới học hành được, nay có vợ có con, còn làm được việc gì !

Tóm lại, không lúc nào anh có thời giờ rảnh để làm một việc gì nhỏ cho nhân-quần, xã-hội cả. Đừng nói đến làm việc nữa. Để óc bận bởi những vấn đề có liên can tới sự sinh-hoạt của nhân-quần xã-hội, anh cũng không có thời giờ nốt.

Dù làm nghề gì cũng vậy, anh đều thấy không có thời giờ dành cho người ngoài, cho sự theo đuổi một mục đích gì khác với mục đích nuôi vợ con và bảo toàn hạnh phúc vật chất của anh.

Thử xem bên Tây-Phương cái sức hoạt động dũng mãnh và tha thiết của người ta. Những nhà bác-học đầu bạc chia đời làm hai phần : một phần ở phòng thí-nghiệm và một phần để dạy người. Thử xem bao nhiêu luật gia, triết gia, sử gia, đi từ thư-viện này sang thư-viện khác, đem hết tâm lực để tìm kiếm, phát minh, say sưa trong ý muốn chinh-phục các tâm hồn, công bố chân-lý, cải tạo và sáng tác. Họ hiển nhân-loại những xây dựng quý báu và việc làm của họ cũng can-đảm và oanh-liệt như võ công chiến thắng của quân sĩ xả thân cứu nước ngoài mặt trận.

Thời giờ không thiếu, chỉ thiếu thiết tha. Thời giờ không thiếu, chỉ thiếu tài lực. Lười biếng và thoái bộ trước sự oằn lao và những cuộc sống cố gắng và phấu đầu đó là thời bệnh. Thời giờ không thiếu, chỉ thiếu cái

(Xem tiếp trang 6)

KẾT LUẬN VỀ CUỘC TIẾN HÓA = CỦA NỀN TƯ' BẢN =

VU VAN HIỂN

(Tiếp theo)

Trong kỷ trước ta đã nhận thấy rằng những sự thay đổi về nội dung của chế độ tư-bản Âu-tây đã làm cho chế độ ấy dần dần pi ản trái với chủ nghĩa tự-do.

Nay đoán về ngoại thế mà xét thì ta lại thấy từ giữa thế-kỷ 19 đến nay trên thế giới cũng có những cuộc thay đổi có ảnh-hưởng sâu-xa đến nền-tảng, đến sự cấu-tạo của nền tư-bản Âu-tây.

Vào khoảng giữa thế-kỷ 19, mới đó vài nước ở phía tây châu Âu (Anh, Pháp và Bỉ), là kỹ-nghệ-hóa và tổ-chức theo lối tư-bản, còn toàn-thế châu Âu và thế-giới thì chưa ra khỏi giai-đoạn canh-nông và tiểu-công nghệ; cả đến Bắc Mỹ-châu bấy giờ tuy đã được độc lập về chính-trị nhưng về kinh-tế thì chưa mất hẳn tính-cách thuộc-địa, là phải dựa vào nước Anh thì mới mua được các thứ chế-phẩm (produits manufacturés) như máy móc, vải sợi, các chất hóa-học v.v.

Tất nhiên trong một hoàn-cảnh như thế, sự phân chia công việc trong thế-giới không có gì là khở khãn: các nhà kỹ-nghệ ở Tây-Âu thừa hồ sản-xuất các chế-phẩm để đem bán cho thị-trường thế-giới. Mua chế-phẩm, thị-trường ấy — hời đó không có giới hạn nào — đem bán lại cho các nước kỹ-nghệ ở Tây-Âu những nguyên-liệu (khoáng sản, lâm sản và nông sản v. v.). Thế-giới hình như chia ra hai phe có liên lạc mật-thiết với nhau: phe các xứ kỹ-nghệ và phe các xứ canh-nông, giữa hai phe đó sự giao dịch được dễ dàng và kế-tiếp, đem lại sự tiện lợi cho cả hai bên.

Nhưng sau giữa thế-kỷ 19, thì tình-thế đó bắt đầu thay đổi. Những nước thuộc về phe canh-nông thấy rằng muốn được hoàn toàn độc-lập thì phải

tự lập về kinh-tế, và muốn tự chủ về chính-trị thì phải kỹ-nghệ-hóa. vì chỉ trong một nền kinh-tế căn cứ vào kỹ-nghệ thì tất cả những nguồn lợi của đất nước và những bản-năng của một dân-tộc mới phát-triển được đầy đủ.

Nhờ sự ủng-hộ sức-lực của chính-phủ bằng đủ mọi cách, Đức và Ý ở châu Âu, Hoa-kỳ ở Bắc-Mỹ và Nhật-bản ở Viễn-Đông dần dần kỹ-nghệ-hóa và đến cuối thế-kỷ-19 thì đã lần lượt thành những nước có một lực-lượng kỹ-nghệ rất to tát.

Rồi cuộc chiến-tranh 1914-18 xảy ra. Để cung cấp mọi thứ cho Âu-châu đương bận về việc kháng-chiến, những nước ở ngoài châu Âu (Hoa Kỳ, Nhật, Úc-Đài-lợi, Ấn-Độ) lại thừa dịp khaiếch trương thêm kỹ-nghệ.

Sau cuộc chiến-tranh, những nước nhỏ ở Trung Âu và Đông Âu, vừa dựng xong nền độc-lập, cũng dùng ngay quyền chính để mở mang kỹ-nghệ; trong khi ấy thì nước Nga, trước kia là canh-nông, đứng biệt lập trong chủ-nghĩa cộng-sản, để dùng kỹ-thuật của chế độ tư-bản mà xây dựng một nền kỹ-ghệ mạnh mẽ vô cùng.

Đến năm 1930, khi cuộc kinh-tế khủng hoảng bắt đầu lan đến từ Hoa kỳ ra các nước, thì mọi người đều nhận thấy cái nền móng kinh tế của thế giới đã thay đổi nhiều rồi.

... nước nào cũng đã có một nền kinh tế phức-tạp vừa canh-nông vừa kỹ nghệ, mà ở đâu những tiểu-công-nghệ làm bằng tay chân và phụ thuộc vào canh-nông cũng đã nhường bước cho những kỹ-nghệ căn cứ vào cơ-khí và phân-công.

Ảnh hưởng sâu sắc của sự thay đổi ấy là làm cho những xứ trước kia vẫn tự do giao dịch với nhau nay thành ra cạnh tranh.

Khi nước nào cũng muốn che chở cho hàng hóa của mình, trên những hiện-thực chính-trị phạm giới-hạn từng nước, các chính phủ xây dựng cao mai những biên-thực quan thuế và, bằng cách vận dụng hối-đoái, lại đặt thêm, cả những biên-thực liên-tế. Nhưng hòa mi thế không lưu thông được từ nước này sang nước khác. Đáng nhẽ có một thị-trường thế-giới chung cho cả các nước nhau giữa, thế-kỷ 19 thì nay chỉ còn rất nhiều thị-trường nhỏ đặt dưới quyền những chính phủ khác nhau. — Nền kinh tế toàn-cầu chia ra thành từng « ô » nhỏ, trong mỗi ô người ta cố tự cung cấp lấy cho đủ.

Từ năm 1930 trở đi, khẩu hiệu « tự cung cấp » (autarcie) thành ra khẩu hiệu chung cho các nước.

Người ta đã họp tạm đình chiểu về quan thuế, đã họp nhiều hội nghị quốc-tế để mở rộng thị trường cho nền kinh-tế thế-giới được dễ thở nhưng những quyền lợi về thuế-lưu, những lý-nhệ về quốc-gia làm cho bao nhiêu sự cố gắng về phương-diện ấy đều vô-Liệu.

Nền kinh tế toàn cầu đã thay đổi từ đầu thế-kỷ 20 và rồi sẽ thay đổi thêm theo chiều ấy — vì không có sự gì ngăn cản được cuộc-kỹ-nghệ-hóa của các nước

không sao người ta còn quay lại được từ ô-kỷ « tự-đủ-mậu-dịch » của năm 1860.

Đã phản-trái với chủ nghĩa tự do, chế-độ tu-bản đến giai đoạn này lại phản-trái với chủ-nghĩa quốc-tế.

Ta đừng nên phàn-bình, là « đây chỉ nhận xét sự thật ấy.

Bây giờ thị-trường quan-trọng cho nền kinh-tế một nước không phải là ở ngoài mà chính là ở trong nước.

Clara chắc đây đã là một triệu-chứng của lối tổ-chức kinh-tế tương-lai.

Nhưng là kết quả cuộc tiến-hóa bắt đầu từ năm mươi năm nay và căn-cứ vào những quyền-lợi mạnh mẽ, sâu xa của các đoàn-thể, trạng-thái kia còn kéo dài cho tới khi thế-giới tìm thấy một lối tổ-chức chính-trị chắc chắn, công-bằng và khoáng-đạt hơn bây giờ.

Trong khi đợi cuộc thay đổi chính-trị lớn lao ấy, các nước bắt buộc phải chú-trọng đến thị-trường ở trong.

Nhưng chính thị trường trong các nước tư-lãnh cũng đã chịu ảnh-hưởng của những biến-trạng kinh-tế và quốc-tế kể trên kia rồi.

Kết quả thứ nhất của những biến-trạng ấy là nạn thất-nghiệp của thợ thuyền.

Ngay tại Hoa-Kỳ, là nơi sự giao-dịch trong nước vẫn-chiến, một địa-vị quan-trọng hơn là giao-dịch với ngoài, nạn thất-nghiệp cũng bành-đương rất nhanh từ sau cuộc đại-chiến 1914-18. Đầu năm 1933 (giờ-không lúc kinh-tế khủng-hoảng) số thợ không-có việc làm tới 13 triệu người).

Người ta gọi đây là « nạn thất-nghiệp vi cơ-khí » (chômage technologique) vì tin rằng nó do ở sự đứng nhứ máy móc tinh xảo để thay nhàn-công mà sinh ra.

Nhưng ở các nước cũ ở Âu-châu, cơ-khí hóa ít hơn, số thợ thất-nghiệp cũng rất nhiều: năm 1934, ở Anh hơn 2 triệu người, cuối 1932 ở Đức 5 triệu rưỡi v. v. Thật ra cơ-khí tiến-bộ đến đâu cũng không gây ra nạn thất-nghiệp, nếu nhà sản-xuất có luôn luôn cả thị-trường rộng rãi của toàn cầu để bán chề-phẩm của mình.

Khốn nỗi, như trên kia ta đã nói, từ cuối thế-kỷ thứ 19, nhiều nước trước chuyên về canh-nông cũng dần dần kỹ-nghệ-hóa khiến cho thị-trường ngày một thu hẹp thêm. Vì thế ta có thể nói rằng một nguyên-nhân chính của nạn thất-nghiệp tại các nước tư-bản Âu-Mỹ là sự tiến-bộ kinh-tế của những nước ở Trung-Au, Tây-Âu, Á-đông và Úc-châu.

Nhiều thợ mất việc không những là một vấn-đề xã-hội gay go mà lại là một sự cố ảnh-hưởng to đến nền kinh-tế trong nước.

Mỗi người thợ mất việc, là một gia-đình hay là bốn năm người không có tiền để mua hàng hóa do nhà tư-bản sản-xuất ra. Khi trong nước có tới hàng triệu người thất-nghiệp thì sự tiêu-thụ bị sút kém đi và việc buôn bán, kỹ-nghệ, canh-nông theo đây mà bị đình-trệ, nhất là trong lúc các nhà sản-xuất chỉ còn số thợ trông mong vào thị-trường

Ở nhiều nước tư-bản, sự tập-trung tài-sản lại làm giảm thêm sức tiêu-thụ của thị-trường đó.

Thí-dụ tại Đức. nước hồi đảng Quốc-xã lên cầm quyền, tài sản trong nước có độ 86 milliards marks thì tám vạn người giàu nắm trong tay 35 milliards, 1 triệu rưỡi tiêu-tu-bản có 35 milliards còn 62 triệu rưỡi bình dân và thợ thuyền chỉ có 16 milliards.

Nhờ tất nhiên 8 vạn người giàu không sao tiêu thụ bằng 62 triệu rưỡi bình dân. Không những thế, theo lệ thường trong xã-hội tư-bản, một phần lớn số tiền trong tay họ lại phải luôn luôn sinh lợi. Thành thử nền kinh-tế quốc-gia không những đã mất bao nhiêu người tiêu-thụ mà các cơ-quan sản-xuất còn phải chịu một gánh rất nặng (về tiền lãi và tiền lợi).

Một đảng bó tay người mua và không bán được hàng; một đảng phải cung cấp lãi cho một số vốn quá to đặt vào các máy móc, nhà đất, cỗ-phần..., cả bộ máy sản-xuất của nền tư-bản vì thế bị tê-liệt.

Muôn quay lại bộ máy ấy, trước cuộc chiến tranh này, các chính-phủ đều lần lượt thi-hành những chính-sách để giảm-uệp-hay tước-uệp lại tang « sức mua » của thị-trường trong nước.

Từ 1933 đến 1939, ta thấy ở Mỹ và Pháp ban hành những đạo luật tang lương thợ và giảm bớt giờ-làm để tang thêm số người có việc; ở Đức và Ý khởi công những công-tạo đồ sộ, dùng hàng

triệu thợ thuyền và tiêu hàng chục hàng trăm milliards, lấy ở thuế đất phần nhiều vào lợi tức v.v...

Những cuộc thí-nghiệm ấy có khi có kết quả, có khi bị thất bại, có khi theo đuổi được đến cùng, có khi phải bỏ dở vì những nhẽ không thuộc về kinh-tế, nhưng đều là những sự cố gắng để giảm bớt sự tập-trung tài-sản vào tay một thiểu-số, để giải-quyết một phần vấn-đề phân-chia lợi tức mà chế-độ tư-bản đã không tìm cách giải-quyết.

Những sự cố gắng ấy không phải là những phương-sách tạm-thời để chữa những cuộc khủng hoảng trong chèo lái.

Cơ-khí ở các nước-quốc đã tiến-bộ hơn hồi thế-kỷ 19, ở thế-giới những nước kỹ-nghệ-hóa đã nhiều hơn hồi thế-kỷ 19 thì các quốc-gia bao giờ cũng cần phải chú trọng đến thị-trường ở trong nước, mà bao giờ cũng phải gây cho đa số dân chúng một « sức mua » để tiêu thụ được hết những sản-phẩm của canh-nông và kỹ-nghệ. Nếu để tư-sản tập-trung vào một thiểu-số, quần chúng sẽ mất sức tiêu thụ, mà cả bộ máy kinh-tế sẽ bị đình-trệ như một chiếc thuyền buồm bị ngừng lại vì thiếu gió.

Vậy nâng cao trình độ sinh-hoạt của quần-chúng đảm-bảo cho mỗi người một công việc thích-hợp với sức họ, phân phát cho mỗi người một số lương thích đáng, không những là một sự công bằng về xã-hội, một việc hay về chính-trị mà còn là một điều cần về kinh-tế. (Xem tiếp trang 25)

MOT TÂM TRẠNG

(Tiếp theo trang 3)

ngọn lửa thiêng liêng bén trong nó tinh khiết hóa tâm hồn ta, nung can-đảm và rèn tư cách. Thời giờ không thiếu, vì vua Marc Aurèle ở La-mã xưa, thuở chinh chiến rộn rịp ở vùng sông Danube còn viết được đề lưu lại hậu thế một tập « Tư-tưởng » góp những suy nghĩ của ông về đạo sống, trong khi ông bận ba ở chiến-trường, hoặc những đêm dưới trướng lạng nghi cùng binh-sĩ.

Thời giờ không thiếu, phương tiện không thiếu, chỉ tại ta bản thân không chịu hiến cho ai một mảnh tâm hồn của mình, chỉ tại ta không chịu rèn luyện trí thức ta từ thuở nhỏ cho nó khả dĩ quan niệm được thế nào là một cuộc sống có ý nghĩa và thế nào là một hạnh-phúc thực hiệu và xứng đáng.

Ông đồ ấy ở một căn nhà lụp sụp, trống trải, vách đất, án thư khố trên đề mấy tập sách giấy bầy lờ đã sộ: sộch, bìa nâu màu dưa cày. Một cái nghện khò bên cạnh một chiếc giá bút bằng gỗ sơn sọ đã lố. Án thư đề ở gian bên, cạnh một đôi tràng kỷ cũ. Ở gian giữa một bàn thờ sơ sác mà thêm trang hoàng đặc sắc nhất là một đôi lo bằng gỗ mộc loe miệng, có cắm hai cành hoa giấy xanh màu quan lộc và đỏ màu cánh sen. Bên gian trái là hai tấm phản gỗ trên đó lồng chông có mấy chiếc gối xếp đã cũ để trông thấy rơm ròi ra ngoài.

Ông đồ năm nay gần bảy mươi tuổi, râu tóc đã bạc phơ. Thuở xưa bao pheo trướng ốc, năm 32 tuổi ông mới thi đậu tú tài. Thời người Pháp mới lập nền cai trị ở xứ ta, ông vì nghĩa khí không chịu học chữ của kẻ thắng, quyết ở xó thốn quá đày học, mặc cho người bon chen danh lợi. Ông giảng nghĩa Khổng Mạnh và các hiền triết cho các môn sinh với một linh hồn và một hăng hái như sẽ bọ thù lại cái thời đại nhố nhàng thay cũ đi mới, a thua nhau bỏ đạo thánh hiền. Qua bụi tre nhà ông, người qua lại thường nghe tiếng ông giảng dẫu sang sảng, bạo dạn và như chứa đầy tự kiêu và thị thàng.

Nhưng cuộc biến thiên của xã hội mau mà gấp nhiều quá cái ý nguyện của ông. Những đứa trẻ con nhà phong lưu trong làng đã dần dần bỏ lối ngổ ngáo mà ông mà tìm theo trường học quốc ngữ và « chữ tây ». Có mấy con anh Khản, anh Xả, chưa hết chuông cái giáo dục sản Triệt của K.ông, còn là môn đệ của thầy. Nhưng chẳng bao lâu, học chưa thông quyền Tam tự kinh, có đứa đã từ giả thầy về làm việc đồng áng, chẵn trâu giúp cha mẹ. « Học để biết ba chữ kỹ, và khỏi bị người chê... » chữ thời này học thông kinh truyện mà làm gì », bố mẹ chúng nói thế.

Ông đồ buồn cho cuộc đàu bề và thương thầm khóc cho buổi tàn tạ của một thế giới xưa đã bết những ngày sán lạn. Ông là hơi thở tàn của một tráng sĩ Ô, họ theo thời, mà mình trung thành với dĩ-vãng. Cái lũ đồ ông đồ thàng kia, nhằng nhố dăm ba tiếng tây ngọng nghịu, chúng cũng kiếm được vài ba chục lương một tháng, và chúng om sòm tốt nhất bên cạnh nhà ông, mang

T A N T A

(HÌNH DUNG VÀ CẢM HỨNG)

ĐINH GIA TRINH

bái và thanh đạm trong đó ông vẫn sống. Ngày xưa, với tài học của ông, sao không thể kinh bang tế thổ, sao không thể cầm cân nảy mực, áp dụng cái đạo tề gia, trị quốc cho thiên hạ biết. Sự xoay chiều độc ác của thời đại xô cả một thế hệ vào bần viá đường ! Ngày nay có những đứa gánh bõ đi mua sách như cũ, đòi cho người ta những quyền sách quốc ngữ in loè loẹt. Chúng phá những sách ấy ra, kho lời vàng của tiền nhân, đem lấy giấy nhát quạt để dưng về mùa hạ ! Chúng đi đứn dầy, ngang nhiên trên đường đời, những đứa sát nhân đang hăm chồm kia! Những con cháu phản bội của các gia đình nho gia đã đem những lũ sách gỗ sơn của tổ tiên đem bán lấy những quyển « Hoàng triều, Kim ngọc Kiều, Nhi độ mai, hoặ, Văn quốc ngữ » cho con chúng học.

Vì nhà thanh bạch, nên có gái ông phải đi làm công, làm thuê. Chúng ra lính thàng ông giữ sao nề. Đạo thánh ông không truyền được cho các con ông, còn mong chi truyền cho thời nhân. Đều qua ngày ông ngâm vịnh « kim ô, ngọc liễu » làm những bài tự trào và ruong đời ngâm « Trần Kế Xương » Giàn mướp sơ sác trước nhà ông, khi mùa đông lá héo, trông tựa như một ý sầu. Ông chĩa đứng ngày qua lại, không hi vọng chi không phản kháng chi, như cả một nền từ trường Khổng Mạnh chịu sự trước cái sức xô đẩy của bạo của một văn minh từ xa xô tới.

**

Ông lang M... có một cửa hàng nhỏ ở ngoài tỉnh. Một chiếc tủ gỗ dầy những ngăn kéo, một cái qay gỗ, con dao cưa, thuyền tán. Ngày xưa ông cũng đã đem bày pheo lều chiếu, hí vọng giải giáp khỏi nguyên ; ông làm thơ, phú, nói lời châu ngọc, và « miệng vàng, dạ sắt » đã có khi khiến những khách phủ phẩn yêu thầm. Ngày nay một đàng nhỡn, năm hoa đã chết, ông ngày đêm làm bạn với bộ *Cảnh Nhạc Lữ Ông*, ông tra

những người bị mù vì chiến tranh. Cái trách nhiệm của xã hội đối với hàng người đui-sinh cho đồng bào đó là phải lập lại cuộc đời cho họ. Làm thế nào cho họ đỡ đau khổ và thuận ứng vào một cảnh sinh hoạt mới. Để đạt cái mục đích đó người ta đã lập lập những trường gọi là trường Giáo-dục lại những người mù vì chiến tranh.

Trong bài phóng sự thuật lại dưới đây, tác giả kể lại một buổi đi tham một trường mù ở Clermont Ferrand tháng Novembre 1943.

**

Một điều đáng chú ý hơn hết là những người tàn tật kia họ biết nhận biết cái trạng huống của họ bằng một sự nhận nại vô cùng cảm động.

— Chúng tôi, — lời tác giả, — bước chầm vào nhà thương mù với một mối ái ngại không tài nào giấu nổi. Ấy thì mà thoạt vào tới nơi chúng tôi thấy bao học quanh mình một bầu không khí tĩnh mịch, yên ổn, khoan lòng tả được. Không một ai, trong những người có thể còn sống hàng năm, sáu mươi năm nữa và biết rằng không còn bao giờ nhìn thấy ánh sáng mặt trời, không một ai có vẻ chửa sót và nản lòng. Không một người nào ngồi không, với một ý chí cương quyết họ thám cập với người khác, hoạt động không ngừng, hàng ngày họ tranh đấu gặt gao, họ quay lại cuộc đời.

Là vì, với cách tổ chức tối tâm của những trường mù, với những tiến bộ cuối cùng của khoa học hiện thời, những nghề nghiệp mà họ càng đáng được mở ra cho họ rất nhiều đường lối khá quan. Tuy nhiên, con đường không phải không vất vả và cần nhiều cố gắng về tinh thần.

Trước khi có thể thực-ta sống được trong tình trạng mới của họ, người mù phải học tập rất nhiều. Ngay từ ở nhà thương ừ bắt đầu tuộc rèn luyện nếu không. Thực vậy, ngoài bao nhiêu những phản ứng (réflexe) mới mà họ cần thấm-nhận, người ta cần phải dạy họ phương pháp Braille để cho họ biết đọc. Sự học chữ Braille kể cũng khó khăn cho những người không quen với những món thủ công, nhưng đó cũng là nguồn vui vẻ và một mối bang-try quý hóa cho họ. Họ cái đó cần sự để hết tâm trí vào thành ra họ đã khổ để qua được những tuần lễ đầu là những ngày giờ đau đớn nhất. Một thư viện lớn đã dành

riêng cho họ. Ngoài ra mỗi người mù lại được một chiếc máy đánh chữ mang tay được và một bộ máy vô tuyến-điện truyền thanh. Có một người trẻ tuổi, đánh máy chữ thạo có thể nhiều người chuyên nghệ làm máy phải thêm muốn.

Ra khỏi trường, người mù có thể làm được nhiều việc. Đây giờ không còn phải như xưa mà họ chỉ làm được những công việc có tính cách cơ giới, tự động như nghề làm lán chải chằng hay. Hiện nay một số người mù có thể theo đuổi nghề cũ của họ, làm thợ dệt, thợ khoan, thợ cưa, nghề gói hàng, nghề đâm bóp (nghề này được người ta tìm kiếm nhiều lắm).

Một số ít người sắm tài riêng có thể theo học những lớp dạy những nghề buôn bán, vài người có thể đánh máy tốc ký.

Về sinh-hoạt của riêng người mù đó, họ rất khá, mặc dầu cái cực-khinh.

— Thật ra — lời viên giám-đốc trường đang tường rằng ở đây chỉ có công việc làm suốt ngày. Có lúc người ta vui cười, mà đôi khi cười rất nhiều.

Người mù cũng tập cả thể-thao. Mùa hè họ tập trò chơi thể-dục, mùa đông họ vận-dộng bằng khí-cụ, và nhất là tập bơi...

Những buổi chiều tối của họ cũng không phải tẻ lạng. Đã có môn biêu diêm. Có một người thổi đàn *accordéon*; chỗ kia một người thổi *harmonica*. Hoặc là họ có thể đi chơi cùng một người nhá hay một viên nữ khán-hệ. Lúc ra nhà thương, nếu họ muốn, người ta cho họ một em chó dạy riêng cho họ.

Thực là một bài học rựe rở về đức can-dảm và nhẫn-nại. Hàng ngày những người trẻ tuổi kia tranh đấu để đạt cái mục-dịch siêu-nhân là vượt lên trên số-phận để sống lại cuộc đời. Tim lại được những minh-lực mới, họ lại trở nên hữu ích cho quốc-gia và như thế là vì họ đã thắng nỗi niềm đau-dớn và mối thất-vọng của họ.

**

Những sự tiến-bộ ở miền Hoa Bắc
(Theo báo Shanghai Times số 20 Janvier 1943, thuật lại trong Bulletin Economique de l'Indochine — Fascicule III 1943).

Trong mấy năm gần đây, miền Hoa Bắc, ở những vùng bị chiến-tranh chạm tới và ở đó sự

(Xem tiếp trang 19)

TRICH THUAT SACH BAO

TRONG ĐỨC

Vài con số và điều nhận xét về sự Sinh Tử của người An-Nam ở thành phố Hà-nội năm 1942.

— Nếu đem phân số tử đố ra theo tuổi của người chết

(Theo Bulletin Economique de l'Indochine 1943 — Fascicule III).

Sinh.—Theo số khai tại tòa Đốc-ly Hà-nội và số sinh tại nhà thương René Robin (không kể trẻ con đẻ mà chết ngay).

Loại tuổi	Cứ 1 000 người chết		
	Đàn ông	Đàn bà	Chung
Dưới 1 tuổi	314	351	330
Từ 1 đến 4 tuổi	86	109	95
5 — 14	54	64	58
15 — 24	116	79	101
25 — 34	126	123	125
35 — 44	124	93	111
45 — 54	75	59	68
55 — 64	50	41	46
65 — 74	34	41	37
75 và hơn	21	40	29

	Con trai	Con gái	Cộng
— Đẻ ở các nhà thương, nhà hộ-sinh công và tư, và đẻ ở nhà	3 882	3 213	7.095
— Riêng cho những bà mẹ có nhà ở Hà-nội	2.423	1.930	4.353

tuổi trung bình của người chết là hơn 24 tuổi. Ở bên Pháp tuổi trung bình đó là 58 (năm 1936). Cũng ở Hà-Nội khoảng 1925-1931 tuổi đó là 19, năm 1940 là 21,5, năm 1941 là 23.

— Tỷ số đẻ con trai so với đẻ con gái (tính theo những số ở bảng trên) là 121/100. Tỷ số đó của riêng người Âu tại Hà-nội là 107/100, chung cho các nước Âu-Mỹ là từ 104/100 đến 108/100. Tỷ số của người An-Nam cao như thế là tương tự với tỷ số của các dân Ấn-độ, Trung-hoa (người ta hay giữ sự sinh con gái).

— Số trẻ con dưới 1 tuổi chết, theo bảng sau đây :

— Nếu lấy số 150.000 làm dân số của thành phố Hà-nội (kể cả người Âu và ngoại-quốc) thì tỷ số sinh (taux de naissance) là 34/1.000

	Con trai	Con gái	Cộng
Đẻ	2 423	1.930	4 353
— Chết dưới 1 năm	530	372	902
— Chết dưới 1 tháng	109	68	177

Tử.— Theo số khai tại tòa Đốc-ly Hà-nội và số tử ở nhà thương René Robin và nhà Sainte Enfaee

tính ra tỷ số tử so với sinh là 21/100 cũng giống năm 1941 ; năm 1940 tỷ số đó là 24,5/100, năm 1939 là 25,5/100, khoảng 1930-1934 là 36/100 khoảng 1925-1929 là 45/100.

	Đàn ông	Đàn bà	Cộng
— Nhà ở Hà-nội và các nơi đến	2.830	2 090	4.920
— Riêng những người có nhà ở Hà-nội			2.930

— Nếu lấy số 150.000 làm dân số Hà-nội thì tỷ số tử (taux de mortalité) là 21/1.000, và như vậy

**

Một giờ với những người mù vì chiến tranh

(theo O. Paul Burnat, trong báo Volonté Indochinoise số 16 Juin 1944.)

Giữa các nạn nhân của chiến-tranh có một hạng người đáng thương hơn hết, họ tuy sống sót nhưng phải chịu cực hình cho đến hết đời. Đó là

... (taux de mortalité) là 21/1.000

Khâm định Việt sử (tiền biên, q. 5, tờ 13 a-b) lại chép « năm 880 quân phủ Giao-châu làm loạn, tiết-độ-sứ là Tăng Cồn dụ yàn » Nhưng đó là chép theo sách tâu, là quyền An-nam-kỳ-yếu của Cao-hùng-Trượng, còn những quyền sử tâu khác, không quyền nào chép đến nên không thể tin được.

Khúc Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ-sứ từ năm 880 mỗi đến năm 906 sai người sang xin mệnh lệnh ở vua Đường, nên vua Đường mới cho Thừa-Dụ chức Đồng-Phình-chương-sứ. *Khâm định Việt sử* tiền biên (q. 5, tờ 14 a) và *Đại Việt sử-ký* tiền biên (q. 6, tờ 23 a) đều chép rằng: « Đường-giải Tĩnh-hải-Tiết-độ-sứ Khúc Thừa-Dụ đồng Bình-chương-sứ » nghĩa là nhà Đường thăng cho Khúc Thừa-Dụ nguyên chức Tĩnh hải quân tiết độ được làm Đồng Bình-chương-sứ, cứ như thế, là trước khi vua Đường phong cho Thừa-Dụ chức Đồng Bình-chương-sứ, Thừa-Dụ đã có chức tiết độ rồi.

Đến năm 907, Khúc Thừa-Dụ mất, con là Khúc-Hiệu nối nghiệp. *Khâm định Việt sử*, tiền biên (q. 5, tờ 15 a) chép: Hiệu theo nghiệp cũ, giữ Lạc-thành, xưng tiết độ sứ, chia đất trong nước làm từng lộ, từng phủ, từng châu, từng xã, đặt chánh lệnh trưởng và phó lệnh trưởng chia đều thuế ruộng, bớt sưu làm việc cho dân, làm sổ hộ tịch biên chép họ, tên, hương quán, giao Giáp trưởng trông coi Khúc-Hiệu làm việc quan, chỉnh sách khoan giảm, dân được như nhiều. Lúc bấy giờ nhà Lương bên Tàu cho Tiết độ sứ châu Quảng là Lưu Ân kiêm tiết độ sứ Tĩnh hải quân (tức châu Giao), phong tước Nam-bình-vương, Lưu Ân giữ Phiên-ngung, Khúc-Hiệu thì giữ châu Giao, xưng tiết độ sứ, đều có chi thôn tnh nhau.

Sử ta đều chép như thế, *Hoàng Việt giáp tý niên biểu* (q. thượng tr. 308, 309, 310) chưa Khúc-Hiệu xưng tiết độ 10 năm (907 - 916).

Sử ta không chép đến, Duy có *An nam chí nguyên* (q. 3, tr. 180) chép rằng: « Khúc-Hiệu người Giao chỉ, cuối nhà Đường, thay Độc cô Tôn làm tiết độ sứ, sửa định các huyện, làng làm giáp đặt chức quản giáp và Phó trị giáp, coi việc đánh thuế, tại chức 4 năm, rồi mất. Con là Thừa-mỹ nối nghiệp »

So sánh với nhau thì Sử ta, Sử Tàu sai nhau ra lắm: một là Khúc-Hiệu nối nghiệp của Khúc-Thừa-Dụ mà *An nam chí nguyên* chép là Thừa-Mỹ

cô Tôn, thế thì Độc cô Tôn sang làm tiết độ năm nào, không thấy chép, Hai là chép Khúc-Hiệu làm quan 4 năm không nói rõ từ nam nào, đến năm nào.

Lại một điều sai nữa, là *An-Nam chí-nguyên* chép: Khúc-Hiệu mất, con là Thừa-Mỹ nối nghiệp, năm thứ nhất hiệu Trinh-minh nhà Lương là năm Ất-hợi (915) sai người sang cống đề xin cờ tiết và phủ-việt ». *Khâm định Việt sử* tiền biên (q. 5, tờ 16a) và *Sử-Ký* tiền biên (q. 7, tờ 1b) đều chép: Thừa-Mỹ sai sứ xin cờ tiết, phủ-việt ở nhà Lương, vào năm Trinh-Minh thứ 5 (919). Năm Trinh-Nguyên thứ 3 (917) Khúc-Hiệu bầy còn sai con là Thừa-Mỹ sang Nam-Hán thông hiếu (*Khâm định*, *Sử-Ký* và *giáp-tý niên-biểu* đều chép vào năm 917), thế là năm 915 Khúc-Hiệu bầy còn sống, mãi đến năm 917 mới mất; *An-Nam chí-nguyên* chép năm 915 Thừa-Mỹ nối ngôi là nhầm.

Khúc-Thừa-Mỹ nối nghiệp từ năm 917 đến năm 921 được 5 năm, trước khi con Thừa-Hiệu đã thông-hiếu với Nam-Hán (vào năm 917) sau lại xin mệnh-lệnh ở nhà Lương (vào năm 919); vì thế đến năm 922 chúa Nam-Hán là Lưu-Cung sai Lý-Khúc-Chính sang đánh, Thừa-Mỹ bị bắt đưa về Nam-Hán, thế là họ Khúc được ta đời nối nghiệp làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-Sứ.

Sử ta chép là Khúc-Tiên-chúa (tức Thừa-Dụ) Khúc-Trung-chúa (tức Thừa-Hiệu), Khúc-Hậu-chúa (tức Thừa-Mỹ). Tuy chưa được tự-chủ như Lý-Bí, Mai-thúc-Loan và Phùng-Hưng, nhưng đã bắt đầu xây nền chính-thống; vậy sử ta chép họ Khúc là Tiên-chúa, Trung-chúa, Hậu-chúa có ý tôn là nền mới của các bậc đế-vương.

Đại-Việt sử-ký, tiền-biên, (q. 7, tờ 2a) có trích một đoạn *Dã-sử* nói họ Khúc, « người Hồng-châu (nay phủ Bình-giang và Ninh-giang, thuộc Hải-dương), đời đời là họ to lớn, Thừa-Dụ là người khoan-hóa hay thương người, được dân chúng suy tôn. Lúc bấy giờ tiết-độ nhà Đường là Tăng-Cồn bỏ thành chạy, Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ... Họ Khúc truyền nối 3 đời, khởi từ năm canh-tí (880) đến năm canh-dần (930) cộng 51 năm. »

Đoạn *Dã-sử* ấy chép bắt đầu từ năm canh-tý (880) tức là năm Tăng-cồn bỏ thành thì phải, còn

SU' TA SO VOI SU' TAU

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TỐ

1. — Tên hiệu nước ta (bài nối)

12. Tĩnh-hải. — Lĩnh-biêu — Lĩnh-ngoại

Tháng tư năm thứ bảy hiệu Hòa-thống (866) Cao-Biền đuổi được quân Nam-chiếu, lấy lại thành Giao-châu. Đến tháng 11, trộm giặc đã yên, nhà Đường đổi «An-nam-đô-hộ phủ» làm «Tĩnh-hải-quận» *Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, q. 3, tờ 10 a).

Tĩnh-hải nghĩa đen là miền bờ được yên. Người Tàu gọi tên nước ta, thường dùng chữ bìa (Tĩnh-hải, Hải-nam), hoặc núi (Kiên-nam, Lĩnh-nam, Lĩnh-biêu, Lĩnh-ngoại).

Lĩnh-biêu nghĩa đen là phía ngoài Ngũ-linh. Truyện *Đông-Tu ở Tấn-thư* có câu: «Tu vốn là người có gai, có nhá, được người Lĩnh-biêu kinh phục». Từ nguyên cho chữ Lĩnh-biêu ấy là Lĩnh-nam. Còn chữ *Lĩnh-biêu lục dị* là tên sách của Lữ-Tuân đời Đường, thì Lĩnh-biêu ấy là đất Việt-dòng. Xưa nay các nhà chép sử thường nhận chữ Lĩnh-biêu là tên nước ta, như trong bài tổng luận của Lê-Tang có câu nói nhà Triệu, tuy chưa giữ được Lĩnh-biêu như nhà Trung, nhưng cũng là người hùng tài trong nữ giới» (*Đại-Việt-sử-ký*, tiền biên, tổng luận, tờ 15 a).

Lĩnh-ngoại nghĩa đen cũng như Lĩnh-biêu, gốc từ chữ *Lĩnh-ngoại đại đáp* là tên sách của Chu khứ Phi đời Tống. Các sử nhà cũng có khi nhận chữ Lĩnh-ngoại là tên nước ta. Như bài bàn của Nguyễn-Nghiêm khen nhà Trung có câu: «Lĩnh-ngoại 65 thành tha phục hết về một lúc». (*Đại-Việt-sử-ký tiền biên*, q. 3, tờ 6 b).

Trên đây nói nhà Đường đặt nước ta làm «Tĩnh-hải-quận» từ năm 866, và cho Cao-Biền làm tiết-độ-sứ. Từ năm ấy đến năm 1010 là năm dùng chữ Tĩnh-hải-quận lần cuối cùng, sử sách có chép chữ Giao-châu. An-nam, Lĩnh-nam, Lĩnh-biêu? Người Nam minh gọi sự tự xưng là

«Tĩnh-hải-quận-tiết-độ-sứ» không nên chép kỹ đoạn này, vì chưa có sách quốc ngữ nào chép rõ.

Năm 875 Cao-Tâm thay Cao-Biền làm Tĩnh-hải-quận tiết-độ-sứ. Khoảng năm 878 Tăng-Côn lên thay. Năm 880 quân Nam-chiếu vào hãm phủ đô hộ, Tăng-Côn chạy về châu Quảng; người «Tĩnh-hải» là Khúc thừa Du vào giữ phủ thành tự xưng làm Tĩnh-hải-quận tiết-độ-sứ (*Đại-Việt-sử-ký*, tiền biên, q. 6, tờ 22 a và 23 a).

An-nam chí nguyên (sách tàu q. 2, tr. 134) của Cao húng Trung chép khác: «Năm 880, quân phủ loạn, kuy hạ xin Tăng-Côn tách ra ngoài thành. Côn không nghe, dụ dụ đức tài các trộm giặc tự dẹp yên đến phục tội: Côn tha tội, không hỏi đến. Từ bấy giờ các đạo đều binh đi thủ ở châu Ung đều theo về Côn, Côn phủ dụ người ta gọi là «Tăng-thượng-thư». Côn có một quyền *Giao-châu ký*, làm bàn đời bấy giờ (thì chữ *Giao-châu* vẫn thông dụng). Côn ở trấn 14 năm, từ năm 878 đến năm 891.»

Xem như thế, thì sách tàu không chép Côn chạy về châu Quảng.

An-nam chí nguyên (q. 3, tr. 164) lại chép: «Năm 892 Chu Toàn Dực thay Tăng-Côn làm tiết-độ-sứ. Sau Toàn Trung (em ruột Toàn Dực, sau là Lương Thái tổ) tâu với vua Đường rằng: Toàn Dực là người đầu độn, không có tài của gì, xin bắt tội. Toàn Dực ở trấn 13 năm từ năm 892 đến năm 904.»

Ngữ *Đại-sử* không chép Toàn Dực xưng tiết-độ-sứ năm nào. *Đại-Việt-sử-ký* (q. 6, tờ 23 a) chưa rằng «Toàn Dực chỉ đạo lĩnh chức tiết-độ, chứ không thực xưng tại trấn». Dao-hình là ở xa mà lĩnh chức, tức là làm chức gì khác ở bên Tàu lĩnh chức tiết-độ mà ở Tĩnh-hải.

Cứ như vậy, thì có lẽ Tăng-Côn có chạy về Tàu, mà Khúc thừa Du giữ châu thành, tự xưng tiết-độ-sứ từ năm 880

4

Khâm định Việt sử (tiền biên, q. 5, tờ 13 a-b) lại chép năm 880 quân phủ Giao-châu làm loạn, tiết-độ-sứ là Tăng Côn dụ yin. Nhưng đó là chép theo sách Tàu, là quyển An-nam-kỷ-yếu của Cao-hùng-Trung, còn những quyển sử Tàu khác, không quyển nào chép đến, nên không thể tin được.

Khúc Thừa Dụ tự xưng tiết-độ-sứ từ năm 880 mãi đến năm 906 sai người sang xin mệnh lệnh ở vua Đường, nên vua Đường mới cho Thừa-Dụ chức Đồng-Phình-chương-sứ. *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 14 a) và *Đại Việt sử-ký tiền biên* (q. 6, tờ 23 a) đều chép rằng: «Đường-giải Tĩnh-hải-Tiết-độ-sứ Khúc Thừa Dụ đồng Bình-chương-sứ» nghĩa là nhà Đường thăng cho Khúc Thừa Dụ nguyên chức Tĩnh hải quận tiết độ được làm Đồng Bình-chương-sứ, cứ như thế, là trước khi vua Đường phong cho Thừa-Dụ chức Đồng Bình-chương-sứ, Thừa-Dụ đã có chức tiết độ rồi.

Đến năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con là Khúc-Hiệu nối nghiệp. *Khâm định Việt sử*, tiền biên (q. 5, tờ 15 a) chép: Hiệu theo nghiệp cũ, giữ Lạc-thành, xưng tiết độ sứ, chia đất trong nước làm từng lộ, từng phủ, từng châu, từng xã, đặt chánh lệnh trưởng và phó lệnh trưởng chia đều thuế ruộng, bớt sưu làm việc cho dân, làm sổ hộ tịch biên chép họ, tên, hương quán, giao Giáp trưởng trông coi Khúc-Hiệu làm việc quan, chỉnh sách khoan giảm, dân được nhờ nhiều. Lúc bấy giờ nhà Lương bên Tàu cho Tiết độ sứ châu Quảng là Lưu Ân kiến tiết độ sứ Tĩnh hải quân (tức châu Giao), phong trước Nam-bình-vương. Lưu An giữ Phiên-gung, Khúc-Hiệu thì giữ châu Giao, xưng tiết độ sứ, đều có chi thôn thôn nhau.

Sử ta đều chép như thế, *Hoàng Việt giáp lý niên biểu* (q. thượng tr. 308, 309, 310) chưa Khúc-Hiệu xưng tiết độ 10 năm (907 - 916).

Sử ta không chép đến, Duy có *An nam chí nguyên* (q. 3, tr. 180) chép rằng: «Khúc-Hiệu người Giao chỉ, cuối nhà Đường, thay Độc cô Tôn làm tiết độ sứ, sửa định các huyện, làng làm giáp đặt chức quản giáp và Phó trưởng, coi việc đánh thuế, tại chức 4 năm, rồi mất. Con là Thừa-Mỹ nối nghiệp»

So sánh với nhau, thì Sử ta, Sử Tàu sai nhau rất lắm: một là Khúc-Hiệu nối nghiệp của Khúc-Thừa-Dụ mà *An nam chí nguyên* chép là Thừa-Mỹ

cô Tôn, thế thì Độc cô Tôn sang làm tiết độ năm nào, không thấy chép, Hai là chép Khúc-Hiệu làm quan 4 năm không nói rõ từ năm nào, đến năm nào.

Lại một điều sai nữa, là *An-Nam chí-nguyên* chép: Khúc-Hiệu mất, con là Thừa-Mỹ nối nghiệp, năm thứ nhất hiệu Tĩnh-minh nhà Lương là năm Ất-hợi (915) sai người sang cống đề xin cơ tiết và phủ-việt». *Khâm định Việt sử tiền biên* (q. 5, tờ 16a) và *Sử-Ký tiền biên* (q. 7, tờ 14b) đều chép: Thừa-Mỹ sai sứ xin cơ tiết, phủ-việt ở nhà Lương, vào năm Trinh-Minh thứ 5 (919). Năm Trinh-Nguyên thứ 3 (917) Khúc-Hiệu hãy còn sai con là Thừa-Mỹ sang Nam-Hán thông hiếu (*Khâm định Việt sử* và *giáp-tý niên biểu* đều chép vào năm 917), thế là năm 915 Khúc-Hiệu hãy còn sống, mãi đến năm 917 mới mất; *An-Nam chí-nguyên* chép năm 915 Thừa-Mỹ nối ngôi là nhầm.

Khúc-Thừa-Mỹ nối nghiệp từ năm 917 đến năm 921 được 5 năm, trước khi con Thừa-Hiệu đã thông-hiếu với Nam-Hán (vào năm 917) sau lại xin mệnh-lệnh ở nhà Lương (vào năm 919); vì thế đến năm 922 chúa Nam-Hán là Lưu-Cung sai Lý-Khúc-Chánh sang đánh, Thừa-Mỹ bị bắt đưa về Nam-Hán, thế là họ Khúc được ta đời nối nghiệp làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-Sứ.

Sử ta chép là Khúc-Tiên-chúa (tức Thừa-Dụ), Khúc-Trung-chúa (tức Thừa-Hiệu), Khúc-Hậu-chúa (tức Thừa-Mỹ). Tuy chưa được tự-chủ như Lý-bí, Mai-thúc-Loan và Phùng-Hương, nhưng đã bắt đầu xây nền chính-thống; vậy sử ta chép họ Khúc là Tiên-chúa, Trung-chúa, Hậu-chúa có ý tôn là nền mới của các bậc đế-vương.

Đại-Việt sử-ký, tiền-biên, (q. 7, tờ 2a) có trích một đoạn *Dã-sử* nói họ Khúc, «người Hồng-châu (nay phủ Bình-giang và Ninh-giang, thuộc Hải-dương), đời đời là họ to lớn, Thừa-Dụ là người khoan-hòa hay thương người, được dân chúng suy tôn. Lúc bấy giờ tiết-độ nhà Đường là Tăng-Côn bỏ thành chạy, Thừa-Dụ tự xưng tiết-độ... Họ Khúc truyền nối 3 đời, khởi từ năm canh-tí (880) đến năm canh-dần (930) cộng 51 năm.»

Đoạn *Dã-sử* ấy chép bắt đầu từ năm canh-tý (880) tức là năm Tăng-côn bỏ thành thì phải, còn

12

sai, có lẽ quyển *Dũ-sử* tính đến năm tân-mão (931) là nam Dương-diên-Nghệ xưng tiết độ-sứ, cho nên cho là Thừa-Mỹ đến năm 930 mới bắt, nhưng chính ra Thừa-Mỹ đã bị bắt sang Nam-Hán từ năm Quý-mùi (923). Trong tám năm từ năm 923 đến năm 930, Dương-diên-Nghệ chưa xưng tiết độ-sứ, nhưng vẫn giữ việc châu Giao, cầm quân châu Giao, đuổi được Lý-khắc-Chính, giết được Trần-Bảo,

Nguyên năm 923, Nam-Hán Lưu-cung sai Lý-khắc-Chính sang đánh nước ta bắt được Khúc-Thừa-Mỹ đem về Sơn khi bắt được Thừa-Mỹ, cho Lý-tiến thay chức tiết độ châu Giao, và Lý-khắc-Chính ở giữ châu. Lúc bấy giờ Dương-diên-Nghệ người châu Ái, đang làm nha-tướng của Khúc-Hiệu, thấy Thừa-Mỹ bị bắt, có chí khôi phục đồ giả tử, mới đem quân đánh Lý-khắc-Chính Lý-khắc-Chính chạy về Nam-Hán, chúa Nam-Hán ý cũng muốn vỗ về cho yên ổn, giả cách cho Diên-Nghệ chức-tước và quyền-vị, bảo các quan tả hữu rằng : « Ấy ở đây hay làm loạn, làm như thế dễ giàng huộc đó thôi ». Việc ấy các sử ta, như *Khâm-định Việt-sử* tiền biên (q. 5, tờ 16b và 17a), *Đại-Việt sử-ký* (q. 7, tờ 1b) *Sử-Ký toàn-thư*, (q. 5, tờ 18a) *Hoàng-Việt niên-biểu* (q. thượng, tr. 312) đều chép vào năm Quý-mù (928). Duy có *Việt-Kiều-thư* (q. 4, tờ 18b) lại chép vào năm thứ 1 hiệu Tráng-hưng (930) và chép là chúa Nam-Hán sai tướng là Lương-Khảo-Chân, Lý-thủ - Dung sang đánh Giao-châu, bắt được Tiết-hải-tiết độ-sứ là Khúc-Thừa-Mỹ đem về.

Trong năm thứ 2 hiệu Tráng-hưng nhà Hậu-Đường (931) Dương-diên-Nghệ vẫn có chí khôi phục, nuôi 3000 tráng-sĩ làm nha-binh (*Sử-ký*, tiền biên, q-7, tờ 3a, *Sử-ký toàn-thư*, q-5, tờ 18b, *Việt-Kiều-thư*, q-4, tờ 18b, đều chép là Diên-Nghệ nuôi 3000 giả-tử, tức con nuôi) Lý-Tiến biết, chạy tin về báo với chúa Nam-Hán, Diên-Nghệ đem quân vây Lý-Tiến, chúa Nam-Hán sai thừa-chỉ là Trần-Bảo đem quân đến cứu; quân cứu chưa tới nơi, thành đã bị mất, Lý-Tiến trốn về, Trần-Bảo đầu vây thành, Diên-Nghệ ra đánh, Trần-Bảo thua rồi chết. Bấy giờ Diên-Nghệ tự xưng Tiết độ-sứ, cai-trị trong châu. Đơn này *Khâm định tiền biên*, q-5, tờ 17b, *Sử-ký tiền biên*, q-7, tờ 3a, *Sử-ký toàn-thư*, q-5, tờ 18b, đều chép như trên, Duy có *Việt-Kiều-thư*, q-4,

tờ 18b, chép là : Lý-Tiến biết việc Dương-diên-Nghệ nuôi 3000 giả-tử, nhưng vì ăn hối-lộ, nên không báo vua Nam-Hán và Trần-Bảo thì chép là Trinh-Bảo).

Sử-ký tiền biên, (q-7, tờ 3a) lại chép rằng : Diên-Nghệ có chí phục-thù cho họ Khúc, cho nên gặp trường chơi vật dễ chiêu-tập lấy những người hào-kiệt trong châu, nói khích lấy đại-nghĩa dễ cùng mưu việc lớn, cho nên đánh đuổi được Khắc-Chính.

An-nam chí-nguyên (q-3, tr. 181 chép : « Khi Lưu-Cung bắt được Thừa-Mỹ, cho Diên-Nghệ chức-tước, và cho tướng là Lý-Tiến làm thứ-sứ châu Giao, Lý-khắc-Chính giữ thành, Cung bảo tả hữu rằng : « Đan Giao-chỉ như thế, chỉ có thể dăng huộc mà thôi ». Sang năm sau quả nhiên Diên-Nghệ khởi binh vây đánh thành, Khắc-Chính chạy, Diên-Nghệ giữ thành tự xưng tiết độ-sứ, được ba năm bị nha-tướng là Kiều-công-Tiên giết.

Đem những việc ở sử ta chép so với sách Tàu, thì biết là sách Tàu chép không đúng. Xem chuyện trên đây thì biết : chính là Dương-diên-Nghệ nổi lên đánh Lý-khắc-Chính, Khắc-Chính thua chạy về Nam-Hán, lúc bấy giờ chúa Nam-Hán mới chịu cho Dương-diên-Nghệ chức-tước và quyền-vị. Theo như *An-nam chí-nguyên* thì lại chép là sau khi bắt được Thừa-Mỹ đã cho ngay tước-vị, thì không phải. Và tính từ năm Thừa-Mỹ bị bắt là năm 923, Dương-diên-Nghệ đã khởi binh phục thù, cho đến năm 937 bị Kiều-công-Tiên giết, cộng thành 15 năm, cho có kể từ năm xưng Tiết độ-sứ là năm 931, cũng được 7 năm, thế mà *An-nam chí-nguyên* chép xưng Tiết độ-sứ được ba năm. Vậy mới biết là không nên tin hết cả ở sách Tàu.

Năm 937, mùa xuân tháng 3, Dương-diên-Nghệ bị nha-tướng là Kiều-công-Tiên giết để cướp ngôi. *Việt-Kiều-thư* (q-4, tờ 19a) chép là : Hiệu-công-Tiên, Kiên-công-Tiên là người châu Phong, nguyên là nha-tướng của Dương-diên-Nghệ.

Nha-tướng nghĩa đen là tướng nanh-vốt, tức là người chân-tay, thế mà Công-Tiên sinh ra giết Diên-Nghệ ! Sử-thần Ngô-thi-Sĩ có chê Dương-diên-Nghệ rằng : « Cuối đời Hán, đời Đường, phần nhiều nuôi giả-tử (con nuôi), nghĩa là trong khi chơi nhau bằng trí bằng sức, hoặc theo nhau

trung, khi hoạn-rạt, và khi hoàn-khi-cây đả-cực, thì nhữn làm con đẻ (giữ tâm-phức, nhưng có biết dấu con sang thì kho đay, rất kỹ cễ cở che trốn đến tình giới không thể mơn được, Diên-Nghệ nuôi con được đến 3000, đến khi bị rạn, không hồi được (tra » Đại-Việt sử-ký, tiền hậu, q. 7, tờ 3B). Lời bản truyện có chẻ rằng: làm sao lại à giã-từ, có lẽ Công-Tiền cũng là một đứa con trong 3000 đứa ấy chăng?

Công-Tiền sống ngôi được một năm, trong năm ấy có xung là Tinh-hải tiết-dộ-sứ không? Sách không chép rõ, chỉ thấy chép là thay Diên-Nghệ.

Đền tháng 9 năm thứ 3, hiệu Thiên-Phúc nhà Tân (938). Ngô-Quyền cũng là một nhà-ti-đồng và là con rể của Diên-nghệ, khởi binh đánh Công-Tiền, giết được Nguyễn. Ngô-Quyền là người làng Đương-lâm (châu Phong), đời đời là quý-tộc, cha là Ngô-Mân làm chức mục châu minh (tức châu Phong-Nghệ), gả con gái cho, và sai giữ châu Ái, đến khi nghe Diên-Nghệ bị giết, đem quân từ châu Ái ra để phục thù (vì thế, An-Nam kỷ yếu chép là người châu Ái).

Khi Ngô-Quyền đem quân vây phủ-thành, Các-giêu sức kém, sai người đem cửa ải của mình chạy Nam-Hán, xin Nam-Hán đem quân đánh giúp. Ý Nam-Hán cũng muốn thừa cơ ta loay sai g an, ở ấy, mới sai con là Hoàng-Tháo nguyên-ti-độc Vạn-xuong, trước làm Giao-tuong, đem quân cứu Các-giêu (sao là theo Ách-m-định tiền biên, q. 5, tờ 18 b và Việt-hiệu thư, q. 4, tờ 19 a, thì chép Lưu-cung trước Hoảng-Tháo làm Giao-tuong; tin Su-ký tiền biên, q. 7, tờ 3b và Sử-ký toản-thư, q. 5, tờ 19 a thì lại chép: Lưu-cung cho Hoảng-tháo làm Tinh-hải-quân tiết-dộ-sứ và đổi trước làm Giao-tuong, nguyên-ti-độc Vạn-xuong; (An-Nam Chí-ryên, q. 3, tr. 181, lại chép: Cung cho con là Hoảng-Tháo làm Giao-châu tiết-dộ-sứ)

Lưu-cung sai con út trước, tự mình làm tướng đem đồn ở Hải-mộ cũ làm thành-viễn, Cung có tin mơn-hồ ở Tân-ích, ích rồi rằng: « Nay nhà Nam đã lâu, đường Lê-liêm-tử xa xôi, Ngô-Quyền

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

TẬP VĂN THÔNG VĂN HỌC TRUNG QUỐC NGÀY-NAY
**ĐỂ GIẢI THÍCH MỘT
CÂU TRUYỆN ĐIỀN RỒ**

NGUYỄN MINH CỬA LIỄU ĐỀ VÔ TÂM DỊCH

Phim ảnh trận thế giới chiến tranh 1914-1918 vừa gửi đến Thượng-hải. Bọn em bé liền yêu cầu tôi dẫn chúng nó đi xem. Nhưng tôi bàn với các em hằng lớp xem một lần tuồng cổ ở rạp Cộng-Yu trước đã, rồi hôm sau hằng đi xem chiến bóng. Nữa không nghe, tôi nhất định không dẫn đi. Các em nhận lời, nhưng văn ấy này chẳng biết là trong cái «đây hồ lỗ» của tôi, lần này lại có cái gì bí mật

Ngồi trong rạp hát, tôi chăm chú dò xem cảm tưởng và ý nghĩa của chúng về trận tuồng hôm ấy. Tôi thấy thỉnh thoảng có lo chứng nó cũng ra vẻ thích thú lắm, và nhẩy ngược kẩn lên. Co lúc chúng nó cũng lắc lom khem nao lá vai đóng khoé, náo là ngón tỏ thần tình. Nhưng chúng nó chỉ cười và từ đầu chí cuối không hề có vẻ sợ hãi tí nào hết. Chúng nó biết rằng đánh nhau trên sân khấu xem; ấy chỉ là một trận đánh chơi mà thôi.

Nhưng hôm sau, ngồi trong rạp chớp bóng chúng nó đều im phăng phắc. Suốt số buổi chiếu, chỉ nghe Phương và Phúc khổ đến ta về hải hợp, nóng ruột. Đôi lúc chúng lại thì thầm nẩy tiếng « Ài chà! ui! ... Trông mudi phứt ep'tacte. cuối ánh sáng đến đến, tôi lần không thấy chúng nó cười tí nào. Như là Phương thì lại có vẻ sợ hãi, xếp má xanh hân ái.

Tôi nói:
→ Kinh quá nhỉ! ...
Phúc cười cười:
« Vâng ạ! Trận Nhất-Nhĩ-Lát cũng ỉn thế ấy. Phúc năm nay mới ba tuổi, vậy nên hồi Nhất-Nhĩ-Lát nó cứ ỉn nười và lý lẽ của nó còn ở trong môi nó hể súc. Em Phương chưa hề thấy trận Nhất-Nhĩ-Lát cho nên có vẻ không tin rằng những hình ảnh của nó nhìn thấy trên phim là đúng với sự thực Phương nói:
→ Nếu quả như thế kia, thì thiệt là dữ tợn quá!
Phương chồm chú ngời. xem phim ảnh, nét mặt ra vẻ ồ nấy và hoạt nghị nữa.
Tôi hôm ấy, trở chuyển chuyển quanh mép con, cở nhien là bà con chỉ lấy chiến tranh làm đàn-dề.

Tôi hỏi hai đứa bé:
— Hai đêm nay, đi xem về, ý các em thế nào?
Nói cho anh nghe.
Cả hai đứa bé đều nói:
— Rạp Cộng-Yu nhà này.
— Sao vậy? — Tôi hỏi.
Phúc giã lời:
→ Chả là cái lối đánh giặc nhà quân dịch với quân, tương dịch với tướng như vậy là lối cổ lối rồi. Ngày nay chúng em xem thấy thì chỉ cho rằng họ gây lộn với nhau mà thôi, nào có phải câu là đánh giặc! Chiến tranh ngày nay, hẳn phải như trên phim ảnh kia, mới đúng sự thực.
Phương lại hỏi tiếp:
→ Nhưng nếu sự thực quả như là trên phim ảnh đã chiếu ra, thì lại dữ sợ quá!

Tôi thấy rằng: ngày nay n người nói chuyện chiến-tranh với lũ trẻ, là phải với các triết gia thời bấy giờ. Chỉ từ câu lối « quân dịch rồi quân, tướng dịch với tướng » ngày xưa mới nói chiến dịch rồi chiến dịch nữa.
Tôi nói:
Phương ạ, chuyển trên phim ảnh là sự thực đấy. Nhưng đấy cũng mới là sự thực những ngày 1914-1918 thôi. Chiến-tranh ngày nay lại còn ghê gớm, còn dữ sợ nữa kia! Nét đăm đăm chiến tranh và chớp lại trên phim ảnh hôm nay mà nhìn rồi liệu chiến tranh thì tai sợ-muộn sẽ xảy ra đấy, thì có lẽ các em sẽ tưởng tượng là điều các em thấy trên màn ảnh vừa rồi đấy chỉ là một trò chơi như mấy ngọn đèn hoa ngày nguyên đán mà thôi. Chả là đến khi trận đại chiến lần này xảy ra thì người ta sẽ có đủ những thủ đoạn, những máy móc giết người mau và nhanh bằng máy nữa kia!
Anh ruột Phúc lộ mặt, nhí nhảnh. Hồi giờ anh ta còn làm việc việc những công việc hòa bình, theo phong trào dân chúng vận động. Anh lại biết chắc hẳn rằng rồi đây phi cơ sẽ có công dụng rất lợi.
(Xem tiếp trang sau)

là người kiệt-liệt, cớ nên không-được, Đại-quân phải nên tri-trọng. Phải dùng nhiều quân hướng-đạo rồi mới nên tiến-quân ». Lưu-Cung không nghe, sai Hoảng-Tháo đem thuyền quân từ cửa sông Bạch-đầu, tiến vào.

Lúc bấy giờ Ngô-Quyền đã biết Các-giêu, nghe quân Hoảng-Tháo đến, bèn trước-là rằng « Hoảng-Tháo là một tướng giỏi (hi-đại), đem quân từ đường xa đến, quân sĩ đã mỏi mệt, lại nghe Công-Tiền chết, thì ông có người nội-tướng, cái khí mạnh đã mất rồi, quan ta có thể lấy sức thông-thả để đối-quan mỗi một, chắc là phá được. Nhưng quân họ gọi về đánh dưới thuyền, nếu mình không phòng bị trước. thì cái tình hình được thua chưa thể biết được. Nên sai người đến trước Hải-mộ, ngầm đóng những cọc lớn, vót nhọn đầu bịt sắt, thuyền quân của họ theo nước thủy trào lên, vào trong chỗ đóng cọc, sau mới để trôi, không có kẻ gì hơn thế ». Nói rồi, liền sai đóng cọc ở hai bên sông, nhân khi nước thủy trào lên, Ngô-Quyền sai người đem thuyền khí-u-chiến, giả cách thua; Hoảng-Tháo quả nhiên đem hết quân đuổi theo. Thuyền quân Nam-Hán theo thủy trào áp vào, Ngô-Quyền mới đem quân đến đánh, thủy-trào rút xuống rất mau. Thuyền quân đều mắc cọc vấp lật, trong khi hoảng hốt, quân sĩ chết đuối quá nửa, Ngô-Quyền thừa thế bắt được Hoảng-Tháo giải chết, Lưu-Cung thương-khôn rồi thả phạt những quân sống sót đem về. (Sử-ký tiền-biên q. 7, tờ 4 a và 4 b).

Thế là Ngô-Quyền đánh được quân Nam-Hán, không chịu nhận chức tiết-dộ-sứ của Tân. Mãi đến năm Quý-Dậu (973), là năm thứ 4 hiệu Thái-bình, Đinh-Tiên-Hoàng nhất thống nước Nam vẫn chịu vua Tống phong cho làm Giao-chi-Quạt-vương, và con là Đinh-Liên-Chức, Kiểm-hiệu thái-y Tinh-hải-quân tiết-dộ-sứ An-nam đô-hộ.

Năm Bình-tiến (986) hiệu Thiên-phúc thứ 7, nhà Tống phong Lê-Hoàn làm Kim-tử quang-lộc đại-phu, kiểm-hiệu Hải-ty, An-nam đô-hộ, Tinh-hải-quân, tiết-dộ-sứ, Kinh-triệu-quan, khai-quốc hầu.
(Xem tiếp trang sau)

AK = ỨNG HỒ = SU' TA
NGUYỄN VĂN TỐ

SO VỚI SU' TAU

Đề giải thích một câu truyện. . . .

(Tiếp theo trang trước)

trong trận chiến tranh sau này. Bởi vậy, nghe lời nói đến những *trận mạc*, những máy giết người mau và mạnh... thì anh ta cho là một câu nói quá mỏng lung. Anh ta xem chừng cũng hơi ngửa mồm. Thế là anh ta cũng cười hi hi và tham gia vào câu chuyện chúng tôi. Anh ta liền giảng giải cho hai đứa em biết trong trận chiến-tranh sắp tới này, một trận không chiến sẽ hết sức quan trọng; rồi máy bay, xe tăng, súng liên thanh, hơi ngạt sẽ hiệp lực cùng nhau, và, một mặt nữa, tàu bay, tàu thủy, cùng tầm ngầm cũng sẽ hợp tác để gây nên những trận thủy, lục, không chiến rất dữ dội... Như thế, như thế, vân vân, vân vân... Nhà phi công nói rất linh động, hùng hồn làm cho bà con xung quanh mâm cơm, từ già chí trẻ đều phát khiếp! Trong tình cảnh những người nửa hiểu nửa không hiểu, họ vừa nghe, vừa kinh sợ, vừa hồi hộp, quên cả nuốt miếng cơm vào khỏi cửa cổ.

Phượng nghe chừng không thích ông anh nói cho kỹ càng thêm. Nó không chú ý đến cái nghệ thuật mới của trận chiến tranh sau này,

Phượng nói có vẻ cả quyết bình đẳng sinh cùng tử, và cũng có ý muốn tỏ cho mọi người biết rằng: Phượng không phải là một cô con gái hèn nhát như trước.

Tôi an ủi Phượng, và nói:

« Em Phượng, anh biết em là một cô con gái can đảm. Em đừng lo. Chẳng qua anh muốn các em hiểu rõ tình cách chiến-tranh, cho nên anh mới nói nhiều như vậy. Xưa nay, chiến-tranh bao giờ chẳng có? Em thích đọc sử. Em thấy trong lịch-sử Âu-châu, từ năm 1789 cho đến 1871, bao nhiêu cuộc đã phát chiến-tranh để thực hiện chủ-nghĩa dân-chủ? Ở Mỹ cũng đã xảy ra trận Độc-lập chiến-tranh, và trận Nam-Bắc chiến-tranh. Đến thế-kỷ này từ 1917 cho đến 1922 ở Tô-liên có những trận nội chiến và trận chiến-tranh « Can-thiệp ». Ở Tầu thì nào là cuộc cách-mệnh Tân-hội, nào là trận Hộ-hiến, trận Thượng-hải, trận Đông-bắc... Cũng đều là những cuộc chiến-tranh có ý-nghĩa tiên-bộ cả. Trong bấy nhiêu trận chiến-tranh, tiếng rằng trận nào cũng phải hy-sinh bao cơ là tính mệnh, là tài sản; nhưng mục-đích cũng là để đổi lấy hạnh-phước cho lớp người tương-lai. Bởi vậy, chiến-tranh cũng có lúc hướng-dẫn loài người đi đến một quang đờng tiên-bộ mới... »

Tôi nói đến đây, nhà phi-công bỗng bật miệng cười ha hả. Và nói:

— « Ai ngờ một ông đồ rất nhũng văn-chương là văn-chương, mà ngồi nói chuyện chiến-tranh lại còn có vẻ dễ sợ hơn một bọn trong quân-đội nữa kia đây! »

Câu truyện trên đây là một câu chuyện cũ. Nhưng câu chuyện cũ đó thật cũng đã giải-thích được rất rõ ràng cái ý nghĩa của một hiện-tượng chính-trị ngày nay. Chẳng biết là trong những kẻ hiện giờ đang nghe ngóng những chuyện sách vở trên văn-đàn, anh em còn ai có một cái câu nghi-vấn gì nữa, thôi?

(Trích ở tập Tân-Sinh — II-8)

LIỄU ĐỀ

SU' TA SO VỚI SU' TAU

(Tiếp theo trang trước)

Năm Đinh-mùi (1007) hiệu Ứng-thiên thứ 14 vua Tống phong Lê Ngọa-triều làm giao-chỉ quận-vương, lĩnh Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ

Năm Canh-tuất (1010) hiệu Thuận-thiên thứ 1, Phong-Lý công-nam làm Giao-chỉ quận-vương, lĩnh Tĩnh hải-quân tiết-độ-sứ. Từ đây trở đi không dùng chữ Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ nữa.

Đến đời Lý Thái-tông, Thánh-tông, Nhân-tông, Thần-tông, vua tụy đều Phong vua ta làm Giao-chỉ quận-vương, rồi gia-phong làm Nam-bình-vương, Nam Giáp-thân (1164) hiệu chính long bảo-ứng thứ 2, mới chịu gọi nước ta là nước phong vua ta làm « An-nam quốc-vương ».

Thế là chữ Tĩnh hải-quân cũng như chữ An-nam quốc, chữ tiết-độ-sứ cũng như chữ quốc-vương.

(Còn nữa)

Ưng-hòa NGUYỄN VĂN TỐ

<p>Ô-TÔ NHÀ LĂU CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH SỰ THỰC NẾU CÁC NGÀI BỎ 1 \$00 MUA VÉ SỐ ĐÔNG-PHÁP</p>

XÃ HỘI VIỆT NAM

== TỪ' THỂ KÝ THỦ' XVII ==

NGUYỄN TRỌNG PHẦN

BÀI THỨ HAI MƯƠI SÁU

VI.— Samuel Baron

Description du royaume de Tonquin

(Bài số 1)

CHƯƠNG XVII

Tang lễ chúa Trịnh

(Tiếp theo và N1)

Tôi còn phải nói đến lễ thứ ba có hàng năm (?) và cử hành ba tháng trước khi mãn phục, Tiên chúa. Lễ này linh đình, không những con cháu Chúa phải trông nom, nhưng các quan đã có giữ một chức phận lớn nhỏ cũng phải đến dự cả dụng lễ để tỏ lòng biết ơn bậc ân nhân và quốc phụ của họ.

Lễ cử hành như sau này :

Trước khi sáng trên bãi cát đã dựng sẵn nhiều nhiều gian nhà rộng bằng tre, cột rui nhẹ, theo kiểu cung điện, có sân mở rộng vách bằng phen trông rất lạ các gian nhà đều dăng vải kim tuyến và ngấn tuyến, nhất là những gian có đặt bàn thờ, cột và bệ cũng phủ những vải ấy hoặc những hàng sắc đỏ thắm sợi mảnh hoặc những vóc lụa âu châu. Mái có treo một cái tán hoa bằng lụa damas, sà nải thắm và chiếu. Hương án trạm-trờ rất kỳ khu, sơn son và thếp vàng sắc sỡ vừa nhiều tiền và lăm công. Đây là phần của tán chúa và Trịnh - gia. Các quan đại thần cũng tài lực đua nhau làm những đàn hỏa đặt chung quanh đàn thứ nhất rất có thứ-tự, cách nhau rất đều, cùng một kiểu và cùng cao như nhau, bệ đàn có bốn, sáu hoặc tám chân vuông, đường kính đàn chừng mười lăm cho đến hai mươi thước (pieds), những đàn ấy giống như những vọng tháp bên ta (helvédères) các phía đều có cửa mở, cánh cửa chớp đặt vào giữa các con tiện và các trụ. Các đàn đều có phủ hình vẽ đủ màu hình trạm-trờ hoặc hình sơn và có treo những màn lụa đất tiền hoặc những tấm vải dày mịn. Xà cột những đàn ấy đều làm bằng vật liệu

nhẹ, vách bằng ván. Quan to thì mỗi người dựng hai đàn, quan nhỏ thì một, nên số đàn dựng lên nhiều đến nỗi bãi cát trong vòng mười lăm hôm biến thành một thành phố mới, một trại binh giống như Antiochus. Trong khi ấy thì dân gian cả xứ kéo nhau đến xem cái công xây dựng lộng lẫy và xa hoa ấy. Có nhiều thú vật lạ (như hổ, gấu vượn, khỉ) mang nhiều vật rữ nữa đã được người ta đi tìm hàng tháng, hàng năm, bắt được tận những chốn rất xa và đem đến đây. Dân tụ tập nhiều đến nỗi làm cho ta tưởng rằng khắp xứ chỗ nào dân cũng đông đúc, đàn ấy được dịp thấy sự giàu sang của tận chúa và được khám phục lòng hiếu thảo của ngài đối với phụ vương. Nhưng tự ba hôm trước ngày hành lễ thì dân sự không ai được vào xem khu dựng đàn nữa vì các quau chức mặc bận dựng hình tượng tiên chúa trước đàn tràng, bận cho ngài nhiều quần áo quý giá, dăng ngài cỗ bàn, biếu ngài hồ phách, ngọc trai, những vòng sa sa hồ, những bình vàng, lọ bạc, những chén, những chiếu, những bàn kỹ, ngựa là những xa-xỉ phẩm và những đồ vật bé mọn Tiên chúa lúc sinh thời vẫn ưa thích và lúc dâng quon rồi.

Đồng thời trong khu bãi cát ấy họ cũng dựng một gian nhà làm mái đến năm sáu tháng có ba bốn quan đại thần trông nom và đốc thúc công việc; nhà này giống sai lảng ông Tavernier đã tả cảnh rồi và dân đây họ gọi là nhà táng (? Aya Tang) gian nhà này có ba, bốn tầng, cao chừng, bốn mươi thước (pieds), trường ba mươi và闊 hai mươi thước; nhà táng làm bằng ván mỏng và xa nhẹ dễ có thể khiêng đi và tháo ra từng mảnh được. Bệ đặt trên bốn bánh còn phần trên thì bắc dàn và lắp như cách bọn thợ mộc ta dựng những cái xà nhà rất nặng.

Nhà táng trông có bề thế và vĩ đại, trang hoàng bằng những hình chạm, thếp vàng, vẽ thuốc và sơn bằng sơn đất tiền sang trọng hết sức, ưa

những hành lang nhỏ và đẹp, những bao lơn, cửa sổ, cửa lòn, công làm cho nhà ấy đẹp thêm lên. Trên nhà tầng lộng lẫy ấy, còn đặt một hình nhân Tiên chúa nữa, cũng mặc quần áo nhiều tiền. Hình nhân ấy sẽ đem đốt luôn với những vật khác.

Mọi việc đã sắp đặt dần vào đấy rồi, tất cả chúa và quyến thuộc ngài từ sáng sớm hôm cuối cùng đã ngự ra đầu trang. Các ngài đi đều có lính dãn, chúa Trấn có vệ quân theo hầu, đi trước các đại thần và quan chức chúa khước, thau, tiếc nhỏ, qui lễ gần hết ngài hôm ấy về dâng Tiên chúa những đồ cúng thờ và thứ vật bị hoá kiếp. Chiều đến, thị thịt thà và các đồ cúng được đem chia cho những người dự vào cuộc lễ và quân lính.

Các thứ vật thì một phần đem cho chết ngạt để chúng được đi theo Tiên chúa mà hầu hạ ngài dưới cõi âm, một phần thì bỏ đi.

Mười giờ tối thì về số những đồ mã, chim chóc, ngựa, voi đem ra đốt trước sân có cửa rộng trước nhà tầng (?) Ở đây Tiên chúa, các người trông hộ ngài, các quan lại qui lạy như nhân Tiên chúa một lần nữa. Các thầy phú thủy đọc sớ, bát ã, nhảy múa, làm phép để dọa nạt ma quỷ và làm cho dân tưởng rằng họ có phép thiêng có thần nhập lúc bấy giờ như diên đại.

Ba giờ sáng thì họ châm lửa đốt hết cả khu lập đàn. Tiên chúa hồi cung có đem theo những hạt trai, hồ phách, vàng, bạc đặt trên hương án —

nói rằng đem về phủ để dâng thờ Tiên chúa trong một chỗ riêng ở trong cung.

Các quan cũng vậy đem cả bạc vàng của mình về, sau khi đã châm lửa thiêu các đàn. Giờ sẽ thổi bay hết cả chỗ do vàng mã nhà cửa ấy.....

XVIII. — Các giáo phái, những sự thờ phụng tín ngưỡng, của người đương ngoài

Phụ dịch thêm chương XVI Tang lễ của dân gian. Khi một người dân ông chết, thì con cháu họ hàng mặc cho đầy cái áo tốt nhất đầu bà con gái thì chín cái. Người giàu chết thì được tạy hàm dề vài miếng bạc hay vàng hoặc mấy ngọc trai vào miệng để sang thế giới bên kia người chết không thiếu thiếu gì cả. Nghèo khó thì cắt móng tay, móng chân thay vào sào rỗng như thế thì vong linh họ không về quây nhiễu con cháu được nữa. Mỗi bữa ăn họ cũng sới một bát cơm cúng đặt trên quan tài thì sáo chưa đưa ra đống. Chén bát ấy sẽ chọn theo người chết

Không dùng danh động sống nhưng dùng sơn gắn kín lại

... Đưa bà con gái nhà giữa sang đi đưa ma được đi trong một chiếc diêm lớn che kín đầu họ.

Ngồi ngoài không thấy mặt họ nhưng vẫn nghe thấy tiếng họ khóc than. Khi linh cửu khiêng qua các phố, người con cả phải lác ra giữa đường để bọn phu khiêng quai tài bross qua, đoạn người ấy đứng dậy, lấy hai tay đẩy quai tài ra đằng sau hình như muốn giữ lại. Cứ thế cho đến khu hạ huyết những đồ mã hình người và vật được mang theo sáu độn tạng rất nhiều. Sư đi đọc kinh tụng, chiêng, sáo, kèn thổi âm ỹ tựa như trong một đám rước cơ đốc. Vàng mã sẽ đốt theo liều sau khi đã dập mộ.

... Có tang cha mẹ thì cắt tóc ngắn ngang vai... tắm đất, ngũ dạ chó không dùng giường cao chiếu sạch ăn uống dần dần, bát chén hạng rất thượng, thô kệch... không được uống rượu, dự tiệc, nghe nhạc, xem hát múa, cưới xin...

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

TỔ SÁCH "TÂN VĂN HÓA" HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

25-3-44 HÃ ĐỒ BÀN

VĂN HỌC KHAI LÃN

Số 1. 1944: ĐẶNG TRÁI MẠI

Văn học là gì? Các nhà văn sống thế nào theo những nguyên tắc gì? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao? Nhiệm vụ của nhà văn là gì? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không? Văn chương có phải giữ cốt lõi của gia đình không? Những tác phẩm của một nhà văn phải viết thế nào?

ĐÃ CÓ BẢN

XÃ HỘI VIỆT NAM

của LƯƠNG ĐỨC THIỆP

Đầy hơn 100 trang - GIÁ 5.500

Hàn Thuyền

71, Tiên-tsin - HÀ NỘI

TRICH THUAT SACH.

(Tiếp theo trang 10)

trật tự và hình thức thiết lập được nhanh chóng. đã tiến bộ ở nhiều địa hạt khác nhau: cai-trị, kinh-tế, canh-nông...

Vì có những nguồn lợi lớn miền Hoa Bắc đóng một vai quan-trọng bậc nhất trong cuộc chiến-tranh hiện thời. Riêng những mỏ khoáng sản rộng vô cùng và sự khai-thác hiện nay tới một nhịp chưa từng thấy bao giờ.

Từ năm 1938 nhà « Ngân-hàng liên-bang lưu trữ » (*Banque Fédérale de Réserve*) thành lập, tình hình lý tài đã tiến tới và sự hủy bỏ đồng dollar cũ của châu đã đưa lại sự thống-nhất cho chính-sách tiền tệ ở khắp phía Bắc Trung-Hoa. Tiền người ta gửi và tiền nhà băng cho vay tăng lên rất nhiều và tính ra số tiền lãi của ngân hàng trong lục địa nguyệt đầu năm 1942 lên tới F. R. B. \$1.500.000. Sự phát hành tiền giấy và tiền kim cũng tăng lên nhanh chóng. Tính đến ngày 21 Novembre 1942, số tiền lưu hành lên tới chừng \$1.359 triệu, thế mà cuối lục địa nguyệt đầu năm 1942 số đó chưa đầy \$690 triệu. Ngoài ra để mở rộng cuộc giao-dịch và để làm cho sự khuếch-trương về kinh-tế tại miền Hoa Bắc được dễ-dàng nhà Ngân-hàng đó lại đặt nhiều chi-điểm và kiểm-sát 12 ngân-hàng hàng tỉnh, những nhà này cũng có tới 80 chi-điểm ở khắp các thành thị miền Bắc.

Người ta cũng phải chú-ý đến sự tiến-bộ về kỹ-nghệ: một số đồng nghiệp sống kỹ-nghệ như lập nên ở Thiên-Tân và những thành-thị khác bên trong. Một phần lớn các máy móc về kỹ-nghệ từ Thượng-Hải mang đến; tuy-nhiên có nhiều xưởng thành lập ở Thiên-Tân thay cho những xưởng ở Thượng-Hải trong việc cung cấp máy móc cho kỹ-nghệ tại miền. Ngoài ra, nhiều xưởng chế-tạo những phẩm-vật trang sức và xa-sĩ phẩm hiện nay đã có một thị-trường khá-quan và có lãi lớn.

Về việc buôn bán, miền Hoa-Bắc xuất cảng xuống Thượng-Hải những dầu thảo-mộc và than-trái lại Thiên-Tân mua của Thượng-Hải bột mì và nhiều phẩm vật. Hoa-Bắc xuất-cảng đi Quảng-Đông rất nhiều dầu lạc, thảo-mộc làm thuốc, và những quả ăn hạt.

Về canh-nông cũng tiến-bộ lớn. Mùa màng tại Hồ-Bắc nhiều hơn năm 1941; sự xuất sản các thứ đều tăng lên gấp mười so với năm 1941. Về những nông-sản khác tỷ số tăng vào khoảng từ 1/5 đến 1/3. Nhiều công-lục dự định sẽ làm tăng số xuất-sản lên hơn nữa.

Từ ngày 5 Novembre, những sự hạn-chế về sự buôn bán thực-phẩm đã hủy đi và vì thế giá bán các loại hạ đi. Thuong-sách đó sẽ giữ vững giá hàng và làm cho sự phân phát thực-phẩm tại Hoa-Bắc được công bằng hơn.

TRONG ĐỨC

= TAN TA =

(Tiếp theo trang 8)

Trên mặt chiếu có giải hai đôi câu đối chữ còn đọng mực chưa khô. Những hòn đá nhặt ở rãnh lên dùng để chặn những góc giấy lại cho khỏi bị gió hất lật bay. Ông cụ này viết chữ tốt nhất phố. Người sành sỏi ông viết bay bướm ngang với người Tàu. Khách đến hàng ông khá đông, khách tò mò xem lại đồng hồ. Đôi kính hầu đực gọng sắt trễ xuống trên mũi ông, lông lánh sáng trên một bộ mặt suông suông, râu rêu và đen sạm

như một hình ảnh của phong trần, Ông ngồi sòm và cúi lưng xuống, một tay chặn giấy, một tay cầm bút đưa đi, đưa lại, hơi soán ngọn bút lông trên nghiên, mềm mềm, dẻo dẻo, trước khi dạo nó đi những nét long phượng trên giấy. Mừng xuân, cảm khái, tự trào, có người đưa câu đối sẵn đề ông viết, có người nhờ ông cho chữ... Dân quê còn ưa câu đối đỏ, người tinh thành cũng không ưa dán mấy lời chiêu tài lợi ở ngoài cửa hoặc ở vườn hoa. Năm ấy cụ đồ rung rinh có tiền ăn tết. Sáng 30 tháng chạp ông mua hương, nến, pháo, thủy niên, lập xướng sách lừng lừng về quê.

(Xem tiếp trang 22)

LY THƯỜNG KIẾT BẮC PHẠT

Nguyễn tế Mỹ, Lý thường Kiệt Bắc phạt (Hán-truyền).

Có người viết sách, chỉ sợ người ta coi thường tác phẩm của mình, phải tuyên bố lớn rằng mình làm việc theo phương pháp khoa học, để cho người đọc giả bực trung khiếp phục trước khi đọc mình. Nhưng tinh thần khoa học có phải chỉ cần tuyên bố nó bằng danh từ là người ta thấy nó trong tác phẩm đâu, và tự nó khiến người ta nhận thấy ở chỗ nào nó hiện hình, không cần ai đưa đưa báo trước cả. Gần đây trên đàn văn người ta đã gặp những tác giả phò trương khoa học và phương pháp khoa học mà rút lại đi ngược lại với tinh thần khoa học, tạo nên những tác phẩm vô hình dạng, thiên lệch và đầy những sai lầm.

Theo cái vết chân ấy, ông Nguyễn tế Mỹ cũng lại tuyên bố long trọng trong tựa cuốn «Lý Thường Kiệt bắc phạt» rằng ông viết sử theo một phương pháp thật « khoa học khách quan, khác hẳn phương pháp viết sử quá chủ quan từ những thời phong kiến (?) còn lại ». Nhưng chỉ đọc qua bài tựa ấy là thấy rõ rằng cái óc khoa học của tác giả thực là giả dối. Nếu đã khách quan, nếu đã theo phương pháp khoa học thì phải không có thành kiến gì, phải tìm tài liệu cho xác đáng, kiểm sát tài liệu cho kỹ lưỡng, trọng sự thực lịch sử. Không thế, ông Nguyễn tế Mỹ viết : « Có phương pháp ấy, ta sẽ đời được vĩ nhân sử thành dân tộc sử để chúng tỏ rằng sự hưng thịnh, hùng cường của một quốc gia nhờ dân trí tiến hóa hơn là nhờ thủ đoạn siêu việt của một thiểu số cá nhân. . . ». Nghĩa là đối với ông chủ quan thì sẽ thấy vĩ nhân điều khiển sự sống của quốc gia, mà khách quan (nghĩa là theo phương pháp khoa học) thì sẽ thấy rằng hưng thịnh của quốc gia là nhờ ở dân trí. Lại nữa, tại sao lại như vậy? Và nếu tôi nhận xét khách quan lại thấy rằng sự hưng thịnh, hùng cường của quốc gia là nhờ cả ở thủ đoạn của vĩ nhân và dân trí tiến hóa thì sao? Sự thực thì thế này: xưa nay có những sử gia có thành kiến cho rằng vĩ nhân tạo nên lịch sử; ông Nguyễn tế Mỹ muốn quay lưng lại coi rằng dân chúng tạo lịch sử của dân tộc, phò ra một thành kiến trái ngược lại, rồi muốn che chở cho thành kiến ấy, ông đem oai quyền của một phương pháp khoa học giả hiệu làm mờ mắt độc giả. Đáng lẽ phải tìm xét, phải khảo cứu, phải trọng sự thực trước hết, không được kết luận vội vàng, ông đã hấp tấp nhồi vào óc độc giả một ý kiến mà độc giả không hiểu rõ nó đi từ ngành ngọn nào ra và nó là kết quả của những suy luận và quan sát nào, có thể tin được hay không, có giá trị gì hay không?

Người ta không rõ ông Nguyễn tế Mỹ hiểu chủ quan và khách quan ra sao. Chủ quan có phải là một thái độ, tinh thần khiến người ta nhận xét mọi sự qua cái bản ngã

thường bị tình cảm, thành kiến chi phối không? Nếu thế thì người viết sử, chủ quan không bắt buộc phải viết vì nhân sử, y có thể viết dân tộc sử, và y có thể vì vốn yêu dân, quy cả công lao về các sự chiến thắng vẻ vang của một dân tộc cho dân chúng. Khách quan có phải là nhận xét, suy luận thực công bằng, sự thực bên ngoài thế nào thì công nhận thế, cố giữ mình ở ngoài sự thác loạn của thành kiến và tình cảm không? Nếu thế thì người viết sử khách quan sẽ diễn rõ sự thực lịch sử và chỉ nêu ra những kết luận mà bắt cứ khối óc nào lành mạnh cũng có thể suy ra do những sự kiện. Những kết luận ấy không cần phải có tính cách cực đoan, tuyệt đối không cần phải hợp với một lý thuyết nào. Trái lại nó có thể rất phức tạp, nhất là ở các ngành học về nhân sinh trong đó chắc lý không phải chỉ có một hình thể. Hoặc là ông Nguyễn tế Mỹ nghĩ thế này: hãy lấy một vĩ nhân làm đích. Vĩ nhân là một người, một bản ngã, ta hãy coi y là một chủ thể (sujet). Ngoại vật đối với chủ thể ấy là khách thể (objet). Cho rằng vĩ nhân tạo nên lịch sử, ấy là viết sử theo lối chủ quan (méthode subjective), mà cho rằng dân trí tiến hóa tạo nên lịch sử theo lối khách quan (méthode objective). Nhưng hiểu như thế thì còn, gì phi lý bằng!

Cũng vì tác giả cuốn « Lý thường Kiệt bắc phạt » không định nghĩa rõ những chữ « chủ quan » và « khách quan » nên cái bảng kê và chia loại các điều kiện đã giúp dân ta chiến thắng thực là hàm hồ khó hiểu. Tác giả báo có 3 điều kiện khách quan và năm điều kiện chủ quan khiến dân ta chiến thắng dưới quyền chỉ huy của Lý thường Kiệt. Ba điều kiện khách quan cần phải xét là: 1.) Tinh hình thế giới, hay ít nhất là các nước lân bang có thuận tiện cho cuộc chiến thắng không? 2.) Nội bộ địch phương có bị mâu thuẫn rối loạn không? 3.) Đại chúng ở nước mình và ở nước ngoài có tán thành công cuộc, tranh đấu của mình không?; 5 điều kiện chủ quan cần phải xét là: 1.) Tài chỉ huy của lãnh tụ — 2.) tinh thần và kỷ luật của quân đội — 3.) những điều kiện chuyên môn quân sự — 4.) sinh sản lực trong nước — 5.) Chính trị khôn khéo ở hậu phương.

Xem như vậy thì những điều kiện mà tác giả gọi là chủ quan và khách quan chỉ là những điều kiện bên trong và bên ngoài (conditions intérieures et extérieures), hoặc những điều kiện của nội dung và điều kiện ngoại lai (conditions intrinsèques et extrinsèques). Ở đây tác giả đã coi nước ta là chủ thể và hiểu chủ quan và khách quan theo nghĩa: thuộc về chủ thể và thuộc về khách thể. Nhưng cách chia loại của tác giả không thể đứng vững được: Tại sao lại chỉ có 3 điều kiện khách quan và 5 điều kiện chủ quan? Luận điểm toán pháp ấy chỉ là biểu hiệu thói làm việc của những ai chỉ lấy la giải thích nhân loại

Bà vội kêu :

« Cậu cứ nằm nghỉ. Cậu đã khỏi sốt chưa ? »

Khôi trả lời, giọng thều thào :

« Cám ơn bà, tôi đã thấy dễ chịu »

Nghe giọng nói, xem dưng diện tái nhợt vẫn bị cơn sốt hành hạ. Sức mặt vàng bủng, đầu mũi đỏ, cơn sốt lờ đờ như mất hết tinh thần. Miệng chắc khô, nên khi nói, môi trên co lên và dính vào lợi, để hở liếm răng nhô ra như ở một cái đầu lâu. Bà chủ nhà chàng cố về ái ngại :

« Hôm nay có người về Hanoi. Cậu có muốn nhắn người nhà lên không ? »

Khôi chưa kịp trả lời, bà vội tiếp :

« Cậu không may gặp lúc đỡ giới, cố nống thuốc cho chóng khỏe. Cậu có cần thuốc gì, cứ việc gọi. Chúng tôi coi cậu như người nhà, cậu đừng sợ tằn phiến gì. Nếu cậu muốn có người nhà bên cạnh cho vui, thì hôm nay có người xuôi, cậu chờ biết chỗ ở để nhắn lên. »

Giọng nói người đàn bà có vẻ cảm động thành thực. Bình nhật Khôi vẫn không muốn phiền nhà chủ, mà bây giờ ngẫu nhiên lại đem cho họ một mối lo một lần nữa. Khôi cảm thấy việc đời không đi theo ý định, và chàng đã phục lòng từ tế của nhiều người bên cạnh, chàng tra nước mắt, thốt ra :

« Thật là phiền bà quá :

« Sau cậu đại nghĩ thế ? Trong lúc ốm đau, hoạn nạn, người dung còn phải giúp lẫn nhau, bớ ra chi cậu đã ở đây bấy lâu dạy bảo các cháu. Chúng tôi chỉ lo không được chu đáo, để cậu không được vừa lòng thôi. »

« Nếu có người xuôi, thì để tôi cũng về Hanoi luôn thế như thế có lẽ tiện hơn... »

Bà chủ kêu :

« Ấy chết ! cậu đi làm sao được ? Có muốn về thì cũng phải đợi cho bớt sốt. Lúc này đi ra ngoài nhờ gió máy thì khôn. Không khi nào tôi để cậu đi. Cậu có muốn nhắn ai lên thì báo thôi. »

Nằm im một lát, Khôi nhòa ra phía ngoài giường. Bà chủ hỏi :

« Cậu muốn lấy gì ? »

« Bà cho xin cái phong bì trong ngăn kéo. »

Bà chủ mở ngăn kéo, lấy phong bì, đưa Khôi. Đó là cái phong bì chàng định viết cho Kiên, bên trong bày còn nguyên tờ giấy trắng. Khôi với chiếc bút chì, cố viết mấy chữ, nét bút run run : « Tôi bị ốm, có lẽ nặng. Anh có rỗi, lên chơi, Khôi ». Chàng đưa cả thư và phong bì cho bà chủ :

« Nhờ bà bảo đưa hộ bức thư này. Chỗ ở đã để ở phong bì. »

Chàng nằm vật xuống giường, càng cố về một mối. Bà chủ cầm lấy thư :

« Được, để tôi bảo đưa. Cậu nằm nghỉ, chớ nữa uống thuốc. »

Bà ra nhà ngoài, vừa gặp người lão bộc mang thang thuốc về. Bà bảo :

« Ông để thuốc đây cho người khác sử. Ông sắp sửa về Hanoi ngay đi. Đi ngay, còn kịp chuyển xe. »

Người học chưa kịp hiểu ý định đột ngột của chủ « Ông về dưới ông Hai, nói mời ông lên chơi ngay, cậu giáo trên này bị một nặng. Và ông bảo đem bức thư này lại cho người nhà cậu giáo. Ông giữ kỹ lấy bức thư, khéo không rơi mất. Và nhớ bảo đưa ngay. Thôi ông sắp sửa đi cho kịp. »

XV

Kiên đang ở sở thì nhận được thư Khôi. Chàng chờ chỗ ở, cách đi, rồi bảo người mang thư :

« Được rồi, cứ về đi. Ngày mai tôi sẽ lên. »

« Ông Hai con bảo mời ông lên ngay. Ông giáo mệt nặng lắm. Ông Hai con cũng lên chiều hôm nay, mời ông cùng đi cho tiện. »

« Chiều nay tôi chưa đi được, còn phải xin phép, thu xếp công việc. Về nói thế nào mai tôi cũng lên. »

Kiên đang mừng về được tin Khôi, chưa kịp nghĩ đến chuyện hạn ốm. Chàng xin phép nghỉ mấy ngày, định hôm sau xuống tìm Minh, sẽ rủ cùng đi thăm Khôi. Người thiếu phụ đang mong chồng, tin này chắc sẽ làm nàng vui sướng. Lâu nay, chàng cũng không nhận được thư Minh. Hình như người đàn bà đã hết tin chàng về việc tìm Khôi. Kiên cũng tự thấy gương không giữ nổi lời hứa, tuy chàng đã hết lòng tìm kiếm.

Hôm sau, Kiên dặn người nhà sẽ vắng mặt ít ngày, và đi tìm Minh sớm. Bây giờ, xem lại mấy giòng chữ, chàng mới nhận thấy nét câu thả, run rẩy, và ý nghĩa bức thư : « Tôi bị ốm, có lẽ nặng... » chàng nghĩ : « Ím ỉu như Khôi, thì trái thời tiết, mưa nắng bất thường cũng sinh ốm được. Ốm rồi lại khỏi có sao ? » Chàng nhìn kỹ những giòng chữ, bằng nghĩ khác. Gần một năm nay, từ lúc Khôi đi, chàng không nhận được tin gì. Bây giờ Khôi mới viết cho chàng, tức là việc có quan trọng. Kiên đã biết tình Khôi ; anh chàng bay bỏ qua những chuyện nhỏ mọn. Chàng không kịp hỏi kỹ người đưa thư, không rõ. Khôi ốm bệnh gì, nhưng xem dáng điệu hầu, thì cũng đoán là việc gấp. Lời hân cũng để Kiên phải nghĩ. Ông Hai là ai, mà cũng phải lên ngay ? Nghĩ hân gọi Khôi là « ông giáo » ; Kiên đoán anh chàng dạy học trên đó. Chàng chỉ biết được có thế.

Biểu cần nhất bây giờ là mang tin này cho Minh. Chờ đợi bao lâu, bỗng được tin Khôi ốm nặng, chắc nàng chẳng được vui. Dù sao, được tin chồng, dù ốm, cũng còn hơn không được tin gì.

Đến nhà Minh, Kiên thấy một bà già vừa đi ra, tay xách chiếc dù mây nhỏ. Chàng nhận ra bà mẹ Minh, cất tiếng chào. Bà cụ đứng bước, nghiêng mắt nhìn hồi lâu mới nhận ra anh không trọ học khi xưa :

« Kia, bác Kiên. Bác có việc gì lại xuống đây ? »

Kiên cười.

« Thừa cháu xuống thăm cụ. Cụ đi dân mà mang xác thế ? »

« Tôi vào nhà thương thăm cháu. Mời bác vào cho. »

hấp tấp tuyên bố luật lệ của sự vật giữa sự sống vào trong một con số hoặc một định thức để cho người tin rằng mình có óc khoa học. Tại sao câu hỏi: « công nghệ tranh đấu có lợi gì cho đại chúng nước mình không? » lại liên can đến một điều kiện khách quan, mà câu hỏi: « Sinh sản lực trong nước có sung túc không? » hoặc « chính trị trong nước có khôn khéo không? » lại liên can đến những điều kiện chủ quan? Tư tưởng của tác giả thực hồ đồ lắm vậy.

Sự phân tích, chia loại ấy, tác giả cho là mới mẻ và rất lấy làm tự mãn đã làm nổi. Chả thế mà ông viết: « Theo cách phân tách khoa học kể trên đây, ta hãy xét những điều kiện khách quan và chủ quan của quân đội Việt Nam. . . (thế nào là điều kiện khách quan của quân đội?)

Thế là quyền sách của ông Nguyễn tế Mỹ được chia làm 2 phần: Phần thứ nhất: *Những điều kiện khách quan đều giúp ta chiến thắng* — Phần thứ hai: *Những điều kiện chủ quan*. Tôi không nói chỉ đến giá trị của những tài liệu lịch sử mà ông Nguyễn tế Mỹ đã dùng. Ông Nguyễn văn Tố đã viết về điểm này trong báo *Tri Tân* số 140 ngày 27 Avril 1944. Tôi chỉ muốn nói qua về phương pháp khảo cứu của tác giả trong cuốn « Lý thường Kiệt bấ phạt ».

Ông Nguyễn tế Mỹ muốn tìm sâu nguyên gốc đây và xa của sự chiến thắng của Lý thường Kiệt năm 1076 cùng Tồn Dán đem hơn mười vạn quân sang đánh Tống, lấy được 3 châu Khâm, Liêm, Ung và giết chết hơn mười vạn địch quân. Dẫu sao sự chiến thắng ấy cũng chỉ là một chiến thắng địa phương, không được khuếch trương thành lớn và mang lại những kết quả đồ bộ lâu dài. Thế mà ông Ng. t. Mỹ cố cố gắng sức tìm bao nhiêu điều kiện của sự chiến thắng ấy, tựa như nó đã làm suy vong cả dân tộc bại trận và đã là kết quả của rất nhiều thời gian chinh chiến, như những cuộc chiến tranh lớn đang làm đảo lộn hoàn cầu hiện nay. Giới mưa và đất ướt là một cơ khiến Napoleon thua ở Waterloo. Sự chiếm đóng vài ba châu quận và chém giết mười vạn quân địch có thể không cần bắt buộc các nước lân bang của nước Việt Nam hồi ấy phải yên tĩnh hoặc yếu hèn, hoặc dân Trung Hoa phải không tán thành chính sách cải cách của Vương an Thạch. Ông Tế Mỹ đã tưởng tượng các cuộc hành binh của ta xưa theo kịch thước các cuộc chiến tranh cơ khí lớn của thời nay, huy động cả lực lượng toàn quốc, làm lay chuyển cả tinh thần và đời sống vật chất của hết các tầng lớp xã hội. Không trông thực tế và thấu tính cách đặc biệt của sự thực ở mỗi thời đại, tác giả cuốn « Lý thường Kiệt » đã phát biểu những ý kiến ngây ngô nực cười: muốn tìm căn nguyên một chiến thắng của một nước ở Viễn Đông về thời Trung Cổ, mà ông phải lần mò đi dò xét xem nước Pháp, nước Anh, nước Đức có rơm rỏ tới ta và có thể san thiệp vào việc của ta không: « Âu châu rồi rưng như vậy thì quyết nhiên không có nước nào đủ sức mà nhòm ngó tới Đông Phương. » Nói trắng ra, đó là một tư tưởng trẻ con vậy.

Còn cái hành trình tư tưởng của tác giả thì ta cũng dễ nhận thấy lắm. Lý thường Kiệt đã thắng, vậy tác giả

nên Âu-châu phải không can thiệp đến việc Viễn Đông các nước láng giềng nhỏ của ta phải thần phục ta, nội tình nước Tàu phải rối, dân chúng nước ta phải không phản đối chiến tranh, dân chúng nước Tàu phải có tinh thần thất bại đầu hàng. Cho nên tướng cầm quân phải giỏi, quân đội Việt Nam phải tổ chức hoàn bị, kỷ luật nghiêm, sinh sản lực trong nước phải dồi dào, chính trị hậu phương phải khôn khéo. Bởi muốn rằng cái gì cũng thuận tiện cho sự thắng lợi của quân ta cả nên ông Ng. tế Mỹ mới không cần tìm kiếm tài liệu kỹ càng và kiểm điểm tài liệu nghiêm, khắc. Lý thường Kiệt đã thắng thì điều kiện nào chả phải thuận tiện cho sự thắng! Ông N. T. M. nghĩ thế nên ông đã viết: « Sử sách không thấy nói gì về những nước Ai Lao, Thủy Lục Chân Lạp và Bắc Động Mường Mán cả. Chắc hẳn các nước và các động ấy không có chuyện gì. » (tr. 23—« Bốn điều kiện kể trên đây (gây tinh thần chiến đấu và kỷ luật trong quân đội) đời Lý nhằm Tồn hần là được hoàn bị » (tr. 104) — « Người Tống còn phải bắt buộc quân pháp của nhà Lý, trách chỉ quân đội Việt Nam sang đánh Tống chẳng hùng cường! » (tr. 108). Đáp lại câu hỏi: « Dân chúng Việt Nam có tán thành cuộc đánh Tống không? », tác giả giả nhời rằng dân chúng ấy đứng dung với việc chiến tranh, nhưng sự yên lặng của họ ở hậu phương là một nguyên nhân thắng lợi của quân ta, rồi ông trích kê dài giọng hết thơ tâu đến thơ tả nỗi oán ghét chiến tranh hoặc than phiền về chiến tranh và mơ ước hòa bình. Ông lại dẫn mấy câu thơ đầu trong cuốn *Chinh phụ ngâm* (Thơ giới đất nơi cơn gió bụi. . .) để chứng rằng dân gian « trách m책 trời xanh », mà không biết rằng đó chỉ lời than vãn oán trách của một chinh phụ có thể thổi ra ở bất cứ nước nào, yêu chiến tranh hoặc ghét chiến tranh.

Lý thường Kiệt là một tướng tài. Đây chứng cứ: « 1.) Có sức khỏe: thừa bề đã khôi ngô béo tốt. Tôi tuổi con trai, vua lại bắt hoạn đi cho vào cung luyện tập võ nghệ, làm gì mà không khỏe mạnh giỏi giang » 2.) Giàu kinh nghiệm v. v. . . ». Tóm lại, Lý thường Kiệt khỏe, có cơ mưu, có kinh nghiệm *làm gì không giỏi!* Nghĩ cái lý luận ấy cũng ngộ nghĩnh và đọc cũng vui. Người nào bị hoạn thì khỏe và béo, dùng vào việc võ chống trở nên dũng tướng. « Chứng cứ: Lý thường Kiệt là danh tướng, nhất đời Lý, Lê và Duyệt độc nhất công thần nhà Nguyễn đời Lý thì hẳn là chưa ai biết sinh lý học (!) nhưng có kinh nghiệm thứ nhất về sinh lý thì không ai thạo bằng các vua chúa (!) » (tr. 85), Xét về tinh thần quân đội, ông Nguyễn tế Mỹ cho rằng dân Việt khi ấy sang đánh Tống rất hăng vì có tinh thần chủng tộc và tin ở lý giới; được người chỉ huy giỏi (« Lý thường Kiệt và đa số tướng sĩ đời Lý đều chịu ảnh hưởng Phật giáo, coi quân sĩ như con trên dưới một lòng, làm gì mà chẳng thắng lợi. » tr. 103). Quân nhà Lý đã thắng trận nhiều, chắc đánh Tống có cơ hội thắng! Quân khi đời Lý ra sao? — « Sử liệu không có cái gì để lại cho ta thấy rõ được, nhưng lương thực thì hẳn là đầy đủ, vì nông nghiệp được các vua Lý cố võ. . . » (tr. 103). Kỷ luật quân đội

nhiều trường, quân số, bỏ tròn thì phạt bớt nhiều trường. Tướng tá quân sĩ trốn mà chỉ phạt trường và thích chữ vào mặt thì hình phạt nhẹ đây chứ. Nếu thế thì hỏng rồi vì Lý thường Kiệt đã thất bại rồi thì điều kiện khách quan và chủ quan nào mà chỉ phải thuận tiện cho ta, lợi! Vì vậy ông N. T. M. vội viết ngay « Kỳ luật quân đội tay nhẹ, nhưng cũng đã phân minh lắm » (tr. 104) Xét đến phương diện chủ quan môn quân sự, ông N. T. M. kể qua cách tổ chức quân đội nhà Lý : Phải tôn đặt 10 vệ cấm quân . . . ; giai 18 tuổi vào sổ bia vàng, 20 tuổi ra lính . . . ; Thánh Tôn đặt 10 liên quân . . ; Nhân Tôn đặt võ ban gồm có : Đô Thống, Nguyên soái . . . Tại ra vì các việc có bắt dân ra lính đặt hiệu quân và đặt chức Đô Thống, Nguyên soái v. v. . nên quân đội ta đã thắng Tống !

Đó, cái luật điện khoa học và phương pháp khoa học dùng để viết sử của ông Nguyễn tế Mỹ đại khái là như thế,

Lại còn nữa . Ông tuyên bố : theo phương pháp khoa học khách quan « ta sẽ đời vĩ nhân sử thánh dân tộc » rồi ông lại viết : « sự hưng thịnh của một quốc gia nhờ ở dân trí tiến hóa hơn là nhờ thủ đoạn siêu việt của một thiểu số cá nhân », rồi ông lại viết : « Trong các cuộc hành quân, thắng hay bại một phần lớn do ở tài chỉ huy của soái tướng » (tr. 82) (Mà Lý thường Kiệt bắc phạt chỉ là lịch sử một cuộc đánh quân) Tư tưởng đã rõ rệt mâu thuẫn mặc dầu những lý luận chống đỡ của ông. Nếu thế thì sự hưng thịnh do ở dân trí và cũng do ở thủ đoạn của siêu nhân, như đại đa số người trí thức văn tư tưởng xưa nay, vậy cần chi tác giả quyển « Lý thường Kiệt » phải tuyên bố rằng mình sách mệnh phương pháp sử học ? Còn như 8 điều kiện của sự chiến thắng, nếu thiếu một thì Thường Kiệt có thể thắng chăng? Có thể thắng được, mà tác giả tựa như cũng đã công nhận, chớ (dân chúng nước mình không tán thành chiến tranh mà quân ta cũng thắng. Nếu như người ta đề cập đầu quân Việt một người, không phải là Lý thường Kiệt nhưng cũng béo tốt, cũng bị hoạn, cũng có luyện tập võ nghệ, có kinh nghiệm và cơ mưu thì quân ta có vẫn thắng trận ấy hay không ? Nói một cách khác, một người có thể coi như một cái bánh xe trong một guồng máy, có thể thay đổi bởi một cái bánh xe tương tự không ? Tác phẩm của ông Nguyễn tế Mỹ đã bình như giả lời rằng được Tại sao lại có sự không thắng lợi trên sông Như Nguyệt không cách xa sự chiến thắng là mấy ? Tác giả bảo tại nước Tàu to quá mà nước ta bé ! Thế là lúc thắng trận thì những điều kiện khách quan và chủ quan ông đã tìm ra đều thuận tiện cho sự thắng lợi, mà lúc thua trận, những điều kiện thuận tiện kia vẫn không đổi hay ít ra đại đa số không đổi, thì ông quy sự thất bại cho một cơ cớ : nước địch lớn quá !

Một quyển sách như quyển « Lý thường Kiệt » tác phạt thật khôn, có ích gì cho học thuật cả, mà nó lại còn có thể gieo mầm lầm lẫn vào óc độc giả về quan niệm

thấy tính cách đơn một của tác phẩm của ông N. T. M. nên đã viết : rằng trong tập Lý thường Kiệt « Lời văn chưa được già dặn và tài liệu chưa đầy đủ ». Tại sao Văn mới đã cho xuất bản cuốn sách ấy ? Chỉ tại phương pháp của ông Ng. tế Mỹ đã dùng ba phương pháp mà tạp soạn báo ấy hằng cổ võ. Nhưng ta đã xét thấy phương pháp ấy giá trị thế nào rồi.

T. T.

Tàn ta

(Tiếp theo trang 19)

Năm năm sau. Cuộc thay đổi những ra chuồng ở xứ ta vào thuở giao thời này thực là nhanh chóng, như những thay đổi của y phục. Khách hàng ông cụ ấy thừa kế khác hẳn với năm xưa. Gió bắc lạnh, ông cụ cơ ro ngổ. Năm xưa, một báo một đôi, họ còn cò kè mặc cả cầu đất. Tục lệ cũ dán giấy đỏ ngày tết phủ phủ ngày càng giảm sức mạnh đến cả ở thôn quê nữa. Lâu dần không mấy ai đọc lời cầu pho hai vế đối thì họ còn nhớ đến ông làm gì. Thời đại gì mà ghê tởm quá : Ông trào phúng chua chát : « Rồi ít năm nữa, lũ chúng nó lúng vào chữ tách như trông vào trông ». Chữ Pháp chẳng thông, chữ Hán mà mù, quốc ngữ bị bỏ mấy tiếng, ôi cái trống rỗng rỗng mình của trí thức ở trong những lũy tre xanh ! Ba mươi tết ông cụ cầm một đĩa cỗ nhỏ cấp chầu, nghiên bát, diếu và ấu, đi lang thang lê những bước thất vọng trên hè, ra bờ sông Nhị-hà để đi bộ về quê ông cách kinh thành hơn mười cây số bốn kia cũ. Năm nay ông kiếm ít ỏi lắm, cơm hàng cháo chợ hà tiện chất chiu, còn thừa được không nổi ba đồng bạc. Ông sầm qua loa vai the hương và bao nệm, còn tiền phải mang về gia đình ông dong gạo thật, mà nào có đủ đâu.

Rồi năm sau kể bại trận ấy không lộ mặt ra trên hè phố hàng Bồ nữa.

Khí một nhà nho thi sĩ vừa qua đời mấy năm trước đây, sau thuở ca mấy « Kười tình » và « giấc mộng », lúc vận hãm, phải rao trên báo xem số Hà-Lạc để kiếm ăn, thì ta lại thấy tào bi kịch của nho sĩ điển cả trên đất nghệ thuật nữa. Một toán quân tàn lực, sau nhàu của thời đại, đã phải sống chật vật và tối tăm giữa cái lãnh đạm (trác) của người đời.

Nỗi bất công đó khiến chúng ta nhận thấy phải cảm động và se lòng

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

(Tiếp theo)

Về gần sáng, khởi lại lên một cơn sốt nặng. Người đàn nóng, chân tay bắt đầu run. Trong lúc mê man, chàng thấy những chuyện kỳ quái, hoảng hốt. Chàng đang đi trong một cánh đồng rộng, hai chân lại bị vướng như đang lội trong vũng nước. Hai chân cố bước, mà không biết đi đến đâu. Bỗng trước mặt hiện ra một bóng người cùn, đi về một phía như chàng. Hai người chỉ cách nhau chừng mười bước. Khởi cố bước mau mà vẫn không theo kịp chân chàng thấy vướng, lảo lủn vấp ngã. Mỗi lần vấp ngã lúc lẩm cẩm ngồi dậy, thì bóng người kéo lại gần ngay trước mặt chàng như cây đống hơi quen. Cố nhận kỹ, thì là Minh, vợ chàng. Khởi cất tiếng gọi, nhưng lạ thay, không có một thanh âm nào phát ra. Chàng đã như người bị khản, mất hết tiếng. Chàng lại cố theo mình vào một chiếc nhà lá. Khởi nhận ra là nhà chàng, theo vào. Minh ngồi xuống chiếc ghế, quay mặt vào vách. Chàng vẫn chưa nhìn thấy mặt vợ, nhưng xem dáng điệu, thì Minh có vẻ tức giận. Khởi hỏi, lần này chàng tự nghe thấy tiếng mình, ú ớ :

« Minh giận anh đấy à ? »

Minh không đáp, vẫn ngồi im. Khởi bực tức gắt :

« Làm sao ? Ai nói mà phải giận ? »

Một bàn tay lay mạnh người chàng. Có tiếng gọi :

« Ông giáo. Ông giáo ! »

Khởi giật mình bừng tỉnh. Người lặc đang lay chàng :

« Ông đã bớt chưa ? Ông thấy gì mà nói mà nhiều thế ? »

Tôi đã mang cháo lén đây, cháo nóng mời ông xơi »

Khởi lắc đầu, nhắm mắt lại, tìm cái bình ảnh trong lúc mê người bực đặt tay lên trán chàng, cái trán nóng bừng và đầm mồ hôi. Tóc lòa sòa dần bết xuống thái dương.

« Ông xơi cháo nhé. Hay có muốn ăn gì không ? »

Khởi mặt mũi quá, không muốn trả lời. Người bực đón đến ra nhà ngoài, một lúc sau bên cạnh giường Khởi có thêm bà chủ và cụ lang. Nét mặt mấy người đều có dáng lo ngại, cụ lang đã mất vẻ bình tĩnh hóm trước, chỉ uống một thang thuốc là hết bệnh lại :

người ông giáo nóng quá. Để tôi bốc thử thang nữa xem sao ? »

Lòng tin của bà chủ như đã đắm chìm trong vùng này, không có người mất tay hơn. Bà nhìn kỹ sắc mặt Khởi, hỏi :

« Sao mới sốt mà đã sút đi nhiều thế ? Cụ liệu xem có thể . . . »

Cụ lang cướp lời :

« Cái sút đi thì không đáng lo ngại. Bệnh sốt cũng như bệnh đi tả, hại người lắm, chỉ một vài hôm là người hộc hác đi nhất ông giáo lại gầy gò, động ốm là má mốp lại gò má cao lên, trông ngay như người ốm đã lâu. Lúc khởi, tầm hồ vào thì lại người ngay »

Bà chủ hơi yên tâm :

« Nhờ cụ làm, vào cho chỉ được con sốt nếu có cần đến vị gì bên nhà không sẵn, thì cụ cứ kê đơn cho, rồi tôi bảo người nhà lên tỉnh lấy. »

« Bọn tôi cũng có đủ cả, và cũng không dám cho uống những vị gì lạ. Để uống thử một thang giải cảm nữa, nghe xem sao ? Ông giáo thế yếu sao, có khi sốt chỉ là bắt đầu cho một bệnh gì khác, như thương hàn, ngã nước điển cần nhất là phải kiêng khem, cần thận. Nếu có biểu thành chứng gì thì rồi cũng dễ chữa. »

Bà chủ lại có vẻ lo sợ :

« Thế kia ư ? »

« Ấy là phòng xa thế, chứ tôi chắc cũng không sao, một thang này nữa thì chắc hết. »

Bà chủ vẫn chưa yên tâm :

« Thế ngộ không bớt thì sao ? »

« Chắc thế nào cũng bớt, chỉ có chậm một chút thôi. Bệnh cảm, mà bệnh gì cũng vậy, chữa ngay thì vẫn dễ. Nếu đã lâu, thì phải lâu thì giờ hơn, không dám bốc bạo tay. »

Người bực theo ông lang đi lấy thuốc. Bà chủ ngồi lại cạnh giường, có dáng bồn chồn, như muốn nói câu gì. Một lúc lâu, bà sẽ gọi :

« Cụ giáo ? »

Người bực, một cô cánh tay muốn ngồi đây

Bà vội nghe

« Các cứ nằm nghỉ. Cậu đã lấy áo chưa ? »

Khôi trả lời, giọng thều thào:

« Cám ơn bà, tôi đã thấy dễ chịu »

Nghe giọng nói, xem đồng điện thì chàng vẫn bị cơn sốt hành hạ. Sắc mặt vàng bủng, đầu mũi đỏ, cơn mê lờ mờ như mất hết tinh thần. Miệng chắc khô, nên khi nói mới trên cơ lên và dấp vào lại, để hơi hám rặng nhở ra như ở một cái đầu lâu. Bà chủ nhìn chàng có vẻ ái ngại :

« Hôm nay có người về Hanoi. Cậu có muốn nhắn người nhà lên không ? »

Khôi chưa kịp trả lời, bà vội tiếp :

« Cậu không may gặp lúc dở giờ, có nũng thuốc cho chóng khỏe. Cậu có cần thuốc gì, cứ việc gọi. Chúng tôi coi cậu như người nhà, sậu đừng sợ tằn phiền gì. Nếu cậu muốn có người nhà bên cạnh cho vui, thì hôm nay có người xuôi, cậu chờ biết chỗ ở để nhắn lên. »

Giọng nói người đàn bà có vẻ cảm động thành thực. Bình nhật Khôi vẫn không muốn phiền nhà chủ, mà bây giờ ngẫu nhiên lại đem cho họ một mối lo một lần nữa. Khôi cảm thấy việc đời không đi theo ý định, và chàng đã phục lòng từ tế của nhiều người bên cạnh, chàng tra nước mắt, thốt ra

« Thật là hiền bà quá ! »

« Sau cậu lại nghĩ thế ? Trong lúc ốm đau, hoạn nạn, người dung còn phải giúp lẫn nhau, hỡi. chỉ cậu đã ở đây bấy lâu dạy bảo các cháu. Chúng tôi chỉ lo không được chu đáo, để cậu không được vừa lòng thôi. »

« Nếu có người xuôi, thì để tôi cũng về Hanoi luôn thế như thế có lẽ tiện hơn. »

Bà chủ kêu :

« Ấy chét ! cậu đi làm sao được ? Có muốn về thì cũng phải đợi cho hết đẽ. Lúc này đi ra ngoài nữa gió máy thì khôn. Không khi nào tôi để cậu đi. Cậu có muốn nhắn ai lên thì báo thôi. »

Nằm im một lát, Khôi nhòa ra phía ngoài giường. Bà chủ hỏi :

« Cậu muốn lấy gì ? »

« Bà cho xin cái phong bì trong ngăn kéo. »

Bà chủ mở ngăn kéo. lấy phong bì, đưa Khôi. Bó lá cái phong bì chàng định viết cho Kiên, bên trong bày còn nguyên tờ giấy trắng. Khôi với chiếc bút chì, vẽ viết mấy chữ, nét bút run run : « Tôi bị ốm, có lẽ nặng. Anh có rỗi lên chơi, Khôi ». Chàng đưa cả thư và phong bì cho bà chủ :

« Nhờ bà bảo đưa hộ bức thư này. Chỗ ở đã để ở phong bì. »

Chàng nằm vật xuống giường, càng có vẻ mệt mỏi. Bà chủ cầm lấy thư :

« Được, để tôi bảo đưa. Cậu nằm nghỉ, chứt nữa uống thuốc. »

Bà ra nhà ngoài, vừa gặp người lão bộc mang thang thuốc về đã bảo :

« Ông đề thuốc đây cho người khác ăn. Ông sắp đưa về Hanoi ngay đi. Đi ngay còn kịp chuyển xe số. »

Người bác chưa kịp hiểu ý định đột ngột của cô, « Ông và dưới ông Hai, nói mời ông lên chơi ngay, cậu giáo trên này bị một nặng. Và ông bảo đưa bức thư này lại cho người nhà cậu giáo. Ông giữ lấy lấy bức thư, khéo lóng rói mắt và nhớ bảo đưa ngay. Thôi ông sắp sửa đi cho kịp. »

XV

Kiên đang ở sở thì nhận được thư Khôi. Chàng lý lẽ ở, cách đi, rồi bảo người mang thư :

« Được rồi, cứ về đi. Ngày mai tối sẽ lên. »

« Ông Hai con bảo mời ông lên ngay. Ông giáo mệt nặng lắm. Ông Hai con cũng lên chiều hôm nay, mời ông cùng đi cho tiện. »

« Chiều nay tôi chưa đi được, còn phải xin phép, thu xếp công việc. Về nói thế nào mai tôi cũng lên. »

Kiên đang mừng về được tin Khôi, chưa kịp nghĩ đến chuyện bận ốm. Chàng xin phép nghỉ mấy ngày, định hôm sau xuống tìm Minh, sẽ rủ cùng đi thăm Khôi. Người thiếu phụ đang mong chờ, tin này chắc sẽ làm nàng vui sướng. Lâu nay, chàng cũng không nhận được thư Minh. Bình như người đàn bà đã hết tin chàng về việc tìm Khôi, kiên cũng tự thấy gương không giữ nổi lời hứa, tuy chàng đã hết lòng tìm kiếm.

Hôm sau, Kiên dặn người nhà sẽ vắng mặt ít ngày, và đi tìm Minh sớm. Bấy giờ, xem lại mấy giòng chữ, chàng mới nhận thấy nét câu thả, run rẩy, và ý nghĩa bức thư « Tôi bị ốm, có lẽ nặng. » chàng nghĩ : « Ừm yếu như Khôi, thì trái trời tiết, mưa nắng ư ả thường cũng sinh ốm được. Ốm rồi lại khỏi có sao ? » Chàng nhìn kỹ những giòng chữ, bỗng nghĩ khác. Gần một năm nay, từ lúc Khôi đi, chàng không nhận được tin gì. Bấy giờ Khôi mới viết cho chàng, tức là việc có quan trọng. Kiên đã biết tình Khôi : anh chàng bay bỏ như những chuyện nhỏ mọn. Chàng không kịp hỏi kỹ người qua thư, không rõ Khôi ốm bệnh gì, nhưng xem dáng điệu hầu, thì cũng đoán là việc gấp. Lời hán cũng để Kiên phải nghĩ. Ông Hai là ai, mà cũng phải lên ngay ? Nặng hẳn gọi Khôi là « Ông giáo » ; Kiên đoán anh chàng dạy học trên đó. Chàng chỉ biết được có thế.

Biểu cần nhất bây giờ là mang tin này cho Minh. Chờ đợi bao lâu, bỗng được tin Khôi ốm nặng, chắc hẳn chẳng được vui. Dù sao, được tin chồng, dù ốm, cũng còn hơn không được tin gì.

Đến nhà Minh, Kiên thấy một bà già vừa đi ra, tay xách chiếc đồ may nhỏ. Chàng nhận ra bà mẹ Minh, cất tiếng chào. Bà cụ đứng bước, nghiêng mắt nhìn hồi lâu mới nhận ra anh chàng trẻ học khi xưa :

« Kia, bác Kiên. Bác có việc gì lại xuống đây ? »

Kiên cười.

« Thừa cháu xuống thăm cụ. Cụ đi đâu mà mang xách thế ? »

« Tôi vào nhà thương, thăm cháu Mời bác vào cho. »

Cuộc tiến hóa của nền tu' bản

(Tiếp theo trang 5)

Đến đây ta thấy rằng muốn khởi đi vào một bước đ'òag cùng, một nước không thể đã cho tư nhân theo tự-lợi mà tổ-chức mọi sự hoạt động kinh-tế đ.ợc nữa.

Lối tổ-chức kinh-tế để kiếm lời (économie pour le profit) vì tiêu thế đã phải nhường bước cho lối tổ-chức theo sự nhu-cầu của quần-chúng và của quốc-gia.

* * *

Đề thực-hành lối tổ-chức ấy, người ta có thể theo chế-độ nghiệp-đàn như ở Đứ-a-Y, theo chế-độ công-rông như ở Nga hay giữ chế-độ dân-chủ nhưng chế-độ căn-kế việc sản-xuất như ở Mỹ hồi 1934. Tất cả những hình-thức phức-tạp ấy đều phủ-lộn một sự thật duy nhất: là nền kinh-tế sản-cứ vào tự-do và tư-lợi đã thất bại; quốc-gia phải đảm-nhận lấy việc kinh-tế để tổ chức nó cho hợp-lý và hợp với quyền-lợi của đoàn-thể.

Đã có một người ta tưởng rằng cuộc chiến-tranh hiện-hời là một cuộc tranh-đấu giữa lối tổ-chức

theo quốc-quyền mới phát-khởi và lối tổ-chức tự-do đã thi-hành ở xã-hội Âu-Mỹ hơn một thế-kỷ nay. Lại có người đã phỏng đoán rằng lối tổ-chức của thế-giới mai sau sẽ tùy theo thắng lợi về phe dân-chủ hay phe độc-tài.

Những việc xảy ra vài năm nay đã tỏ rằng sự « chia loại » các nước dự-chiến như thế sai lầm là chừng nào. Việc dự-chiến của một nước có phũng nguyên-nhân phức-tạp, thuộc về lịch-sử, chủng-tộc, và chính-trị, không phải chỉ định đoạt theo lối tổ-chức về nội-trị.

Sự đắc-thắng hay thất bại trong cuộc chiến-tranh này cũng không phải là do sự tổ-chức có hợp với lối tổ-chức kinh-tế của tương-lai hay không. Kể được chưa chắc đã là đủ đúng chiều của cuộc tiến-hóa; mà kể chưa chắc đã là đi nhầm đường. Sửa soạn, sắp đặt, tích-sức, từ trước giữ một địa-vị tối quan-trọng trong việc chiến-tranh; ta không thể háng cứ vào được thua mà phỏng đoán về tiến-trình của xã-hội.

Nhưng dấu sao, đề sây dựng lại những nơi đã bị chiến-tranh tàn phá, để tổ-chức lại nền kinh-tế chiến-tranh cho hợp với lúc bình-thoại, để gây cho hàng bao nhiêu triệu người hiện nay đang jáu lộn trong vòng binh-lửa một địa-vị sừng đang với sự hi-sinh của họ, được tâu về phe nào đ'à nữa, thì rồi đây nước quốc-gia cũng phải đứng ra để đảm-nhận cái chức-trách điều-kiểu mọi ngành hoạt-động và giải-quyết những vấn-đề xã-hội.

Đó là những công-việc quá sức tư-nhân hay đoàn-khể của tư-nhân. Vì năng-có liên-lạc đến nền tảng xã-hội, những công-việc ấy sẽ có sinh-cách chính-trị nhiều hơn là kinh-tế; vì thế nó thuộc vào phạm-vi của chính-phủ.

Sự can-thiệp của quốc-gia sẽ đi tới giới-hạn nào và sẽ thế-tiếp trong giới-hạn ấy trong bao nhiêu lâu, đó là những câu hỏi mà chỉ tương-lai mới giả-nhời được.

Nhưng có điều chắc-chắn là quyền hạn của quốc-gia sẽ rộng thêm ra nhiều mà về phương diện ấy, cũng như cuộc chiến-tranh trước, cuộc chiến-tranh này chỉ là một nguyên nhân làm cho nhân-đàn thêm cuộc tiến-hóa đã bắt đầu ở các nước tư-bản từ năm mươi năm nay mà thôi.

Kiên hỏi chột dạ:

Cụ tác nhậ thương (hâm ai à?)

« Tôi vào thăm cháu Minh Cháu mới ở ở được mấy hôm nay ».

Kiên ngạc nhiên. Chẳng không biết là Minh có chưa. Hồi ở Hà-nội, bụng nàng có đẻ, chẳng không nhận thấy. Và từ khi nàng về. Trong phương bức thư hỏi tin Khôi, nàng không hề nói đến chuyện đã có mang. Trường hợp lại thêm phiếm. Kiên hỏi:

« Thế chị Khôi sinh cháu trai hay gái? »

Bà cụ có dáng vui:

« Cảm ơn bác, cháu gái. Tháng bố cháu lắm, nhưng cháu Minh thì không được khoẻ, mấy hôm nay lại bị sốt. Mấy tháng trước tôi đã báo nó tính ngày viết thư cho chồng nó về, mà nó không chịu nghe. Lúc sinh nở, cô chồng bết cạnh vữa hơn, Tôi thành bạn quá, vừa phải trông nom nó, vừa hàng họ. Có một việc đánh giấy tuép báo tin cho anh Khôi, mà cũng chưa nhờ ai được. Hay nhân tiện nhờ bác. Bác đánh hộ lễ vợ nó đã để con gái. Mời bác vào chơi trong nhà. Tôi vào với cháu một tí rồi về ngay ».

(Còn nữa)

Việc quốc tế

TỪ 17 ĐẾN 24 JUIN 1944

Tại sao Đông-minh đã chọn xứ Normandie làm nơi đổ bộ ở Tây-Âu

Xứ Normandie và cuộc đổ bộ.

(Đoạn này đáng lẽ đáng từ kỳ trước, nhưng vì một lẽ riêng, kỳ này mới đáng được).

Cuộc đổ-bộ của quân Đông-minh xuống Bắc-Pháp tính đến hôm 17 Juin là đã được đúng 10 ngày. Và cứ tình-thế hiện-thời thì quân Anh Mỹ đã bám chặt được vào xứ Normandie dấu sao sức mạnh của cuộc phòng-thủ của Đức ở miền này cũng đã được nhiều báo và các giới khác ca-tụng. Thủ tướng Churchill cho dù có tuyên bố rằng «nhưng trở lực không đến nỗi ghê gớm quá như người ta tưởng tượng» chắc cũng đã thăm tính trước những sự hi-sinh mà quân đội Anh Mỹ phải chịu trong cuộc đổ-bộ có một không hai này... nếu quân Đông-Minh đã chọn xứ Normandie làm nơi đổ bộ, tất nhiên là vì ở nơi này có nhiều điều-kiện thuận-tiện nhiều ~~cho~~ cho cuộc hành-bình vạn sự kia hơn ở đâu hết.

Một chút ít địa dư xứ này có thể giáng cho ta ít nhiều những điều kiện trên đây :

Xứ Normandie hợp thành phần phía Tây của cả một khu-vực địa-dư lớn của nước Pháp mà ai cũng biết, tức gọi là *Bassin Parisien*. Cái địa-thế chung cho cả khu-vực này, tuy rằng nhiều tính cách khác-nhau về địa-biết, nhưng đại để không có gì là hiểm trở. Riêng xứ Normandie về phía Tây-Nam, có dãy núi *armoricaïn*, núi già cũ, thấp như những ngọn đồi vậy; nhưng mở rộng về phía Đông, phía kinh thành Paris, chỉ là đồng bằng có nhiều sông chảy qua từ những đồi miền Nam chảy ra bề Manche ở phía Bắc. Sông Seine chảy chéo ngang, Đông-Nam tới Tây-Bắc, qua *bassin parisien* cắt xứ Normandie ở phía trên làm cho miền *Pays de Caux* biệt lập về địa-dư

duyên-bãi chạy ngang từ Đông sang Tây ở giữa lồm xuống thành vũng Seine, phía Đông có bờ bề xứ Caux vòng lòa và phía Tây có bán đảo Cotentin nhô ra.

Cuộc đổ bộ do đường bề của Đông Minh hiện nay chỉ trong phạm vi từ cửa sông Seine cho tới bán đảo Cotentin, nghĩa là trên một giải ngang từ Đông sang Tây đứng thành hình trước thợ với đường duyên-bãi phía Bắc từ xứ Caux lên tới Calais. Cái vị-trí đó đặc biệt ở chỗ xứ Normandie thành ra, tảo người ta thường gọi là *bờ bề đối diện* (*la côte d'en face*) của Đảo quốc hay nói chung của tất cả các xứ miền bắc ở phương Bắc.

Từ xưa cao thủy-thủ Saxon và Scandinave, trong những cuộc viễn-chiến của họ về phương Nam, ở trên đó xuống là gặp ngay bờ bề normand chắn ngang trước mặt, cũng như ngày nay những tàu biển từ những bến Hambourg, Amsterdam đi xuống để sang Mỹ hay ~~san~~ Á, Đông. Như vậy xứ Normandie là một cái diêm và bán đảo Cotentin có khá gì một chiếc hải-đàng.

Chiếc đóm bề này không những soi đường ra đại-dương mà lại soi cho cả một hải-phận mà người ta gọi là *vũng Seine*, một cửa mở rộng vào nội-địa nước Pháp. Vũng biển này, lan từ bán đảo Cotentin đến mỏm xứ Caux, chính là trung-tâm cuộc đổ-bộ của Đông-minh bằng đường bề. Như vậy xứ Caux, tuy cũng là một phần xứ Normandie mà không thuộc phạm-vi cuộc hành-bình trên đây (ta nên nhớ cuộc đổ bộ của Anh-Mỹ xuống hải-cảng Dieppe năm xưa và đã thất-bại, chính là ở xứ Caux) là vì đường duyên-bãi ở đây toàn là những mỏm đá eo và khác khổ không được lợi làm cho những công cuộc thiết-lập về hành-bình. Từ bán đảo Cotentin, sông Seine, đến sông Orne

Từ một giai Calvados trap, phẳng và nhiều cát, với những bãi biển danh tiếng như Trouville, Deauville, Cabourg có rất nhiều cửa sông, đến 7 cửa lớn nhỏ, đều là những công ngõ vào nội-địa. Nhờ những bán-đảo ở cửa sông, nhờ những chỗ khúc khuỷu của bờ biển và những sông có thủy-triều lên, sự xâm-nhập . . . dễ. Giữa những dãy đồi mềm mại mà sông Dives và sông Touques đã cắt ra và những nền phẳng bằng đá vôi của đồng-đội xứ Caen lối vào rộng rãi và dễ dàng. Rồi đến một đường duyên-hải rất thấp, ngập vào những đồng lầy do đất phù sa của sông và biển hợp thành, trong đó những dân miền bề tự các xứ Slesvig và Frise xuống trông nhận ra những đồng bễ (*marschen*) của quê-hương. Quá về phía Cotentin là một đường duyên-hải khúc khuỷu hơn cùng một dãy bán đảo và đảo, những mỏm đất cao nhô ra cũng gọi là « mũi » (*nez*) dùng làm nơi báo-hiệu cho thủy-thủ; những ụ đất lồi lên và vươn ra bề ở đó người ta lần tránh hay đứng biệt-lập ra rất dễ chẳng khác gì ở những mỏm đá (*acté*) của duyên-hải Hy-lạp; sau hết trước bờ bề đôi diện là một quần-đảo rải rác khắp nơi. Đó là tất cả những điều-kiện địa-dư mà miền này đã hiển cho những đám đông người xưa kia tự phương Bắc xuống, trước hết là người Saxon rồi đến người Đan-mạch và cả người Na Uy, trong tâm thế-kỷ giông gió, họ tung-hoành trên những duyên-hải Tây Âu; và đến nay lại hiển cho những đám quân Anglo-Saxon đổ bộ nhiều như kiến-cổ trong cuộc chiến-tranh hiện thời.

. . . những dân xứ Normandie (chữ Normand thuộc gốc ở hai chữ có nghĩa là người phương Bắc) là giống-giới những giống người phương Bắc sống trong những lưu-vực các sông song hàng, sâu và kín.

. . . sự cung-cấp lương thực và quân-nhu vừa tự Anh chở xuống vừa nhất là tự Hoa-kỳ đưa sang được thuận tiện hơn là cho một cuộc đổ bộ quá về phía Bắc; cuộc xâm-lăng của Đồng-minh vào Tây Âu đã bắt đầu ở xứ Normandie trên đất Pháp.

. . . bộ tham-mưu Đức hiểu rõ điều kiện trên đây, vì vậy mà cuộc phòng-thủ của họ ở miền này mạnh mẽ vô cùng và điều đó chính là cái trở-lực trọng đại cho cuộc hành binh của Đồng-Minh.

Tình hình cuộc đổ-bộ trong tuần lễ 10-17 Juin

Trong tuần lễ từ 10 đến 17 Juin, quân Đồng-minh đã liên lạc được ba khu đầu cầu ở cửa sông Orne, ở Port en Bessin (phía Bắc Bayeux) và ở bờ bề phía đông bán đảo Cotentin. Thành ra trận tuyến dài tới 135 cây số. Sau khi hạ được Isigny, Formigny (phía Tây Bayeux), Lisson, Tilly-sur-Seulles (phía nam Bayeux), Carentan (Đông Cotentin), Montebourg (trên đường Carentan — Valognes ở Cotentin), 20 sư đoàn Anh-Mỹ mới chiếm đóng được chừng 1.500 cây số vuông trên đất Pháp.

Cuộc xung đột chính ở hai nơi trong khu Bayeux — Caen — Saint Lô, thành Caen vẫn còn trong tay Đức tuy đã bị tàn phá đến cực điểm; trên bán đảo Cotentin quân Đồng minh vẫn vừa đánh lên Cherbourg vừa đánh tạt ngang sang phía Tây cố cho Cherbourg bị cô-lập. Nhưng qua Đức, có tới 15 sư-đoàn, đã phản công ráo riết và đã được nhiều thắng lợi trong mấy ngày cuối, Tilly-sur-Seulle, Montebourg đã trở về tay họ. Thành ra quân Đồng-minh hiện giờ tuy có tiến mà rất chậm.

Đồng thời trên mặt bề không quân và hải-quân Đức hoạt động và làm thiệt hại nhiều cho hạm đội địch quân vẫn tiếp-tục chờ quân cứu viện tới.

* **

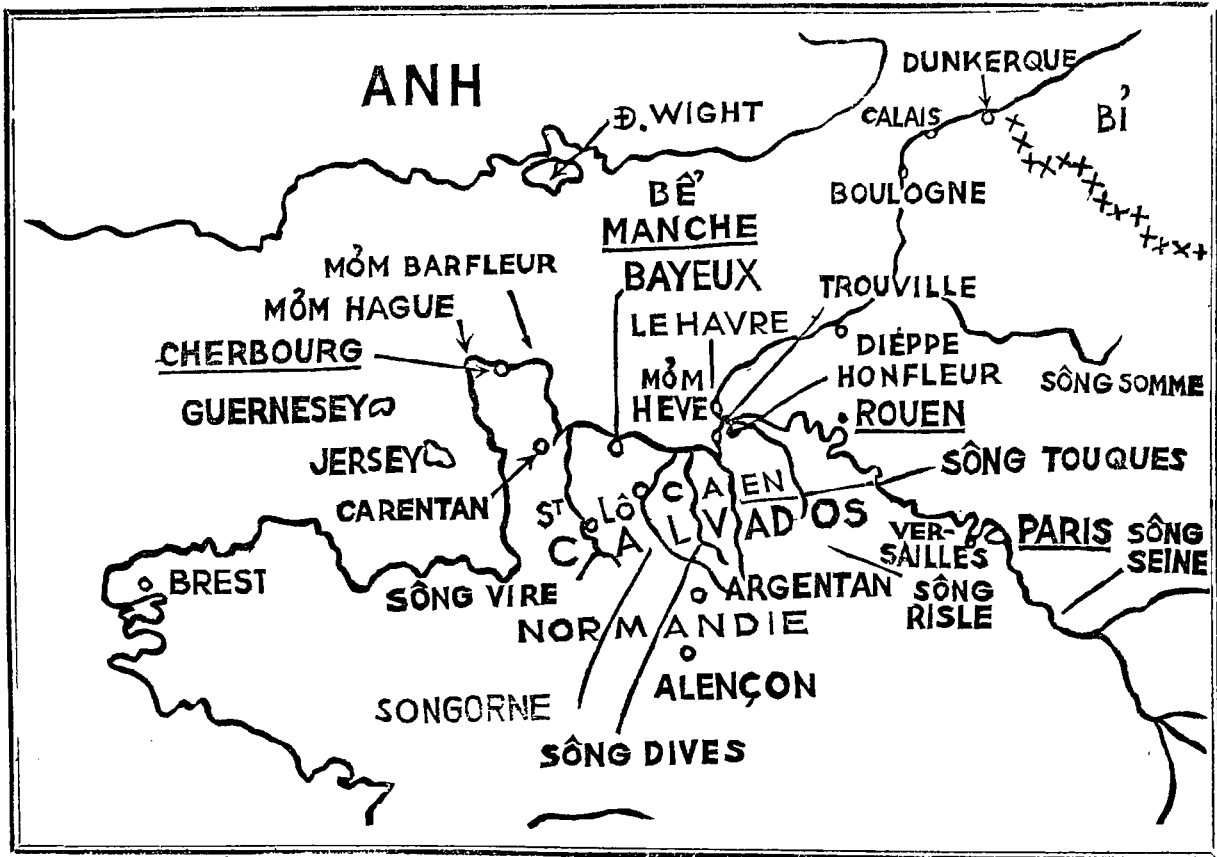
Tình hình cuộc đổ bộ ở Tây-Âu

Trong tuần-lễ 17-21 Juin

Từ sông Orne tới sông Vire, quân Anh Mỹ vẫn không tiến được mấy. Ở phía Đông, các đội quân Anh trên hữu-ngạn sông Orne bị đánh bật sang bên kia sông hoặc bị hại. Phía Tây Nam quân Đồng-minh mới tới Saint Lô, thành phố này đã bị san phẳng. Hiện nay quân hải quân đang kịch chiến trong khoảng từ Caumont đến Tilly sur Seulles.

Trên bán-đảo Cotentin, 25 vạn quân Anh Mỹ đánh lên phía quân-cảng Cherbourg. Họ đã chặn ngang được từ duyên-hải phía Đông sang tới duyên-hải phía Tây và như thế Cherbourg đã bị cô-lập và bao vây. Hiện nay có chỗ họ đã tới gần Cherbourg chỉ cách 3 cây số.

Bản đồ miền Bắc nước Pháp



Nhưng ở đất Anh, một mối nguy lớn xảy ra vì những máy bay không phi-công của Đức đến tàn phá với một sức mạnh vô cùng. Thành Londres bị chuyển động và bị bom phá hàng 100 giờ liên tiếp. Tất cả không quân Anh đều bị huy động để chống lại những máy bay kia.

Mặt trận Ý

Ở phía Tây, quân Mỹ đã vượt qua Grosseto, hạ Campaignatico và đang kịch chiến trong khu bờ Trasimène.

Ở giữa, quân Đồng-minh đã chiếm được Pérouse cách phía Bắc Rome gần 200 cây số, và vẫn tiến lên phía Bắc.

Trên bờ biển Adriatique, quân Anh lần lượt chiếm đóng Camarino, Nocera Umbra.

Mặt trận Nga

Tại Phần-Lan, quân Nga vẫn tiến và chiếm đóng nhiều thị-trấn. Sau khi xuyên thủng chiến-

tuyến Manmerheim thành Viborg đã bị hạ (20 Juin) và Hồng-quân tiến về phía kinh thành Helsinki.

Có tin quân Nga đã bắt đầu mở trận đại-tấn công mùa hạ, hiện nay mới biết ở khu trung-ương giữa Vitebsk và Mogilev.

Mặt trận Á Đông

Trên đất Trung-Hoa, phi-cơ Nhật tiếp-tục đi đánh phá các trường bay Mỹ: Nội Hương (Hà Nam), Ngọc Sơn (Giang Tây), Lishui (Chiết-giang). Tại tỉnh Hồ-Nam quân đội Nhật đã hạ được hai nơi Trường-sa và Liliang (18 Juin)

Trên Thái-Bình-Dương, phi-cơ Mỹ vẫn tấn công xuống các đảo Kitachishima, Kouriles ở phía Bắc quần-đảo Nhật. — Trên đảo Kyushu (Kiou Siou) một sởng nấu sắt của Nhật bị ném bom nhưng không thiệt hại gì. — Một trận thủy-chiến lớn đã xảy ra tại vùng quần-đảo Mariannes. Quân Đồng-minh đã đổ-bộ lên đảo Saipan. Nhưng thủy-quân Nhật đã chống lại kịch-liệt và làm cho hạm-đội địch quân thiệt hại rất nhiều.

ĐỖ ĐỨC DỤC